

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH
TRUONG THANH DEVELOPMENT
AND CONSTRUCTION INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Số/ No.: 89...../2025/TTA/TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

*Yên Bái, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Yen Bai, March 28th, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: *Hochiminh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành/ *Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: TTA.
- Địa chỉ/*Address*: thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/ *Nam Cuom village, Nam Bung ward, Van Chan dist., Yen Bai province.*
- Điện thoại liên hệ/ *Tel.*: 02163.897359/ 02462.691699
Fax: 02163.897.359
- E-mail: ir@truongthanhgroup.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế, và Nghị quyết HĐQT thông qua các nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên 2025/ *Audited Financial Statements of 2024 and Explanation of the Difference in After-tax Profit, and Resolution of the Board of Directors approving the contents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn <http://www.truongthanhgroup.com.vn> / *This information was published on the company's website on 28/03/2025, as in the link <http://www.truongthanhgroup.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that*

the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính kiểm toán 2024 và Công văn giải trình/ *Audited Financial Statements of 2024 and Explanation Document.*
- Nghị quyết HĐQT/ *Resolution of the Board of Directors.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Duy Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-48
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>14-48</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026597 lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2008, đăng kí thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 07 năm 2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, địa chỉ trụ sở chính và thông tin chi nhánh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 15: 1.700.575.930.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024: 1.700.575.930.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 02163.897359/ 02462.691699
Fax : 0293 897 359
Email : contact@truongthanhgroup.com.vn
Mã số thuế : 0102899812

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
- Kinh doanh điện năng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
- Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
- Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận	Lô 03, Dãy N2, Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
	Mã số chi nhánh: 0102899812-003

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 48).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với tài sản và nợ phải trả của Ông Trần Huy Đức cho các đối tượng có liên quan.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Chủ tịch
Ông Trần Huy Thiệu	Thành viên
Ông Vũ Xuân Hiểu	Thành viên
Bà Trần Huyền Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Huyền Trang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Kiều Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban
Bà Thành Hồng Thắm	Thành viên
Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Trần Huyền Trang

Theo Giấy ủy quyền số 463/TTA-UQ ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Số : 2806.01.02/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.786.959.739	196.548.132.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.737.314.509	3.907.257.691
1. Tiền	111		27.737.314.509	3.907.257.691
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.619.160.316	192.335.164.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	110.127.457.516	87.028.879.344
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.370.919.586	8.360.501.880
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	124.120.783.214	96.945.783.214
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		430.484.914	305.710.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	430.484.914	305.710.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cướm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.977.734.676.603	4.179.988.266.151
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.819.782.843.877	4.034.548.028.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.819.635.116.977	4.034.400.301.939
Nguyên giá	222		5.057.840.259.469	5.055.677.710.378
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.238.205.142.492)	(1.021.277.408.439)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	147.726.900	147.726.900
Nguyên giá	228		147.726.900	147.726.900
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	55.118.977.597	46.066.687.597
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.118.977.597	46.066.687.597
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.748.772.609	99.296.899.070
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	115.500.000.000	115.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(13.751.227.391)	(17.203.100.930)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.082.520	76.650.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	84.082.520	76.650.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.250.521.636.342	4.376.536.398.281

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.071.946.233.256	2.394.946.335.835
I. Nợ ngắn hạn	310		347.220.798.732	411.430.445.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.372.041.471	5.826.473.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	19.002.114.016	27.402.864.797
4. Phải trả người lao động	314		5.511.862.209	5.293.108.325
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.488.078.748	10.861.882.822
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	34.560.407.272	39.307.434.610
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	273.732.974.664	302.308.360.620
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	9.553.320.352	20.430.320.352
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.724.725.434.524	1.983.515.890.474
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	125.307.948.000	125.307.948.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.599.417.486.524	1.858.207.942.474
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.178.575.403.086	1.981.590.062.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.178.575.403.086	1.981.590.062.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.700.575.930.000	1.700.575.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.700.575.930.000	1.700.575.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		477.999.473.086	281.014.132.446
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		281.014.132.446	204.021.336.510
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		196.985.340.640	76.992.795.936
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.250.521.636.342	4.376.536.398.281

Người lập biểu



Trần Thu Trà

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng

Cấp, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	734.110.258.096	655.479.232.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		734.110.258.096	655.479.232.628
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	310.602.177.512	287.644.373.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		423.508.080.584	367.834.859.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	259.596.056	172.486.239
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	142.652.725.691	223.085.525.165
Trong đó: chi phí lãi vay	23		146.104.599.230	211.481.339.563
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25.746.716.108	20.025.613.615
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		255.368.234.841	124.896.207.052
11. Thu nhập khác	31	VI.6	30.261.605	660.377.811
12. Chi phí khác	32	VI.7	6.545.690.360	12.444.414.330
13. Lợi nhuận khác	40		(6.515.428.755)	(11.784.036.519)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		248.852.806.086	113.112.170.533
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	17.307.058.174	11.651.735.731
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		231.545.747.912	101.460.434.802
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.158,34	452,75
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.158,34	452,75

Người lập biểu

Trần Thu Trà

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	248.852.806.086	113.112.170.533
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	216.927.734.053	205.742.815.269
- Các khoản dự phòng	03	(3.451.873.539)	7.870.607.810
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(104.792.159)	(172.486.239)
- Chi phí lãi vay	06	146.104.599.230	211.481.339.563
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	608.328.473.671	538.034.446.936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.578.963.369)	(9.153.702.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(54.264.480.039)	(305.132.629.036)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(132.206.788)	1.419.257.564
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(151.790.268.420)	(205.146.327.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.674.576.890)	(14.822.505.336)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.877.000.000)	(3.586.416.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	355.010.978.165	1.612.123.614
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.894.871.600)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.792.159	172.486.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.790.079.441)	372.486.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	51.704.068.712	322.676.583.058
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(371.094.910.618)	(403.286.557.639)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(319.390.841.906)</i>	<i>(80.609.974.581)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>23.830.056.818</i>	<i>(78.625.364.728)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>3.907.257.691</i>	<i>82.532.622.419</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>27.737.314.509</i>	<i>3.907.257.691</i>

Người lập biểu

Trần Thu Trà

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng



Trần Huyền Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, lắp đặt và thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** :
 - Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
 - Kinh doanh điện năng;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
 - Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
 - Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
 - Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
 - Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.
4. **Cấu trúc doanh nghiệp**
Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận	Lô 03, Dãy N2, Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

Mã số chi nhánh: 0102899812-003
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp:** Không có.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Doanh nghiệp có 137 nhân viên đang làm việc (số nhân viên làm việc ngày 01/01/2024 là 138 nhân viên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Doanh nghiệp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Trong Báo cáo tài chính riêng của Doanh nghiệp, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định khác	20 - 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐĐC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Thời hạn sử dụng là lâu dài nên không trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cơm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát Triển Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

- + Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Điện mặt trời Hồ Bả Ngự, Dự án Điện mặt trời Hồ Núi 1 là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.171.154.088	1.078.986.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.566.160.421	2.828.270.804
Cộng	27.737.314.509	3.907.257.691

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	33.017.304.923	29.800.153.781
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	77.110.152.593	57.228.725.563
Cộng	110.127.457.516	87.028.879.344

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>10.370.919.586</i>	<i>8.360.501.880</i>
GE Power Conversion India Private Limited	-	2.358.839.880
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bắc Á Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Viện năng lượng	750.000.000	2.543.880.000
Công ty TNHH XD PCCC Thuận Tiến	2.301.674.400	-
Công ty TNHH TM & tư vấn kỹ thuật Sông Mã	1.050.711.000	-
Cty TNHH Tm & KT TD Astech	2.051.840.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.216.694.186	1.457.782.000
Cộng	10.370.919.586	8.360.501.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu khác ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>120.142.500.000</i>	-	<i>92.117.500.000</i>	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc (*)	96.642.500.000	-	64.617.500.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	23.500.000.000	-	27.500.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.978.283.214</i>	-	<i>4.828.283.214</i>	-
Tạm ứng	-	-	850.000.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	3.978.283.214	-	3.978.283.214	-
Cộng	124.120.783.214	-	96.945.783.214	-

(*) Là khoản tạm chi trả nợ vay Ông Trần Huy Đức theo Biên bản số 10.05/2023/BB-HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2023.

5. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	430.484.914	256.437.277
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	49.272.724
Cộng	430.484.914	305.710.001

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	84.082.520	76.650.645
Cộng	84.082.520	76.650.645

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cước, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc			Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
	trúc			bị	tài, truyền dẫn	quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá								
Số đầu năm	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330			25.886.557.135	469.079.450	155.144.020.827	5.055.677.710.378
Tăng trong năm	-	-			2.162.549.091	-	-	2.162.549.091
Số cuối năm	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330			28.049.106.226	469.079.450	155.144.020.827	5.057.840.259.469
Trong đó:								
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	377.293.905			2.928.116.408	469.079.450	-	3.774.489.763
Giá trị hao mòn								
Số đầu năm	513.340.598.100	448.501.927.001			16.247.680.576	449.744.450	42.737.458.312	1.021.277.408.439
Khấu hao trong năm	92.893.584.860	105.390.921.837			2.403.494.579	19.335.000	16.220.397.777	216.927.734.053
Số cuối năm	606.234.182.960	553.892.848.838			18.651.175.155	469.079.450	58.957.856.089	1.238.205.142.492
Giá trị còn lại								
Số đầu năm	2.318.509.320.536	1.593.826.207.329			9.638.876.559	19.335.000	112.406.562.515	4.034.400.301.939
Số cuối năm	2.225.615.735.676	1.488.435.285.492			9.397.931.071	-	96.186.164.738	3.819.635.116.977

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.029.322.073.793 VND và 3.810.237.185.906 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn; Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái; Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

7. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐDC tại địa chỉ thôn Nậm Cước, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Giá trị quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>55.118.977.597</i>	<i>46.066.687.597</i>
Dự án Điện gió Tại Ninh Thuận	1.520.909.091	1.520.909.091
Thủy điện Nậm Búng	374.074.074	374.074.074
Thủy điện Nậm Cang 1A	687.336.442	687.336.442
Thủy điện tích năng Phước Hòa	48.511.183.794	42.802.663.794
Dự án Khu đô thị Dịch vụ Sinh thái phía Nam Sông Dinh	681.704.196	681.704.196
Hệ thống báo cháy tự động cho các nhà máy của chi nhánh Ninh Thuận	3.343.770.000	-
Cộng	55.118.977.597	46.066.687.597

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh 4100440107 thay đổi lần 07 ngày 16 tháng 04 năm 2020.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai (*)	115.500.000.000	(13.751.227.391)	115.500.000.000	(17.203.100.930)
Cộng	115.500.000.000	(13.751.227.391)	115.500.000.000	(17.203.100.930)

(*) Theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 04/QĐ-HĐCD ngày 07 tháng 4 năm 2020, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai giảm từ 400 tỷ đồng xuống 330 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành nắm giữ 11.550.000 cổ phần tương ứng 115.500.000.000 (VND) chiếm 35% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai.

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>3.372.041.471</i>	<i>5.826.473.835</i>
Viện công nghệ năng lượng	-	2.160.000.000
Công ty lưới điện Cao thế Miền Bắc	1.264.224.798	1.264.224.798
Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương	1.012.768.574	1.012.768.574
Các nhà cung cấp khác	1.095.048.099	1.389.480.463
Cộng	3.372.041.471	5.826.473.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.688.714.809	-	54.580.579.383	(60.394.177.838)	2.875.116.354	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.651.735.731	-	17.307.058.174	(16.674.576.890)	12.284.217.015	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.771.836.992	-	2.514.466.867	(4.100.041.030)	186.262.829	-
Thuế tài nguyên	1.000.237.124	-	29.122.316.934	(28.895.533.140)	1.227.020.918	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.290.340.141	-	12.154.302.747	(14.015.145.988)	2.429.496.900	-
Cộng	27.402.864.797	-	115.678.724.105	(124.079.474.886)	19.002.114.016	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

+ Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự, Dự án Điện mặt trời Hồ Núi 1 là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

+ Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

+ Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.488.078.748	7.173.747.938
Chi phí gia hạn LC	-	3.562.842.884
Chi phí phải trả khác	-	125.292.000
Cộng	1.488.078.748	10.861.882.822

14. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	336.000.000
Thủ lao HĐQT, BKS năm 2023	-	336.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	34.560.407.272	38.971.434.610
Kinh phí công đoàn	-	73.360.120
Bảo hiểm xã hội	-	217.676.657
Bảo hiểm y tế	-	38.194.219
Bảo hiểm thất nghiệp	-	17.069.719
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	34.560.407.272	38.625.133.895
Cộng	34.560.407.272	39.307.434.610

b) Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả Hợp tác kinh doanh Dự án Thủy điện Ngòi hút 2; Dự án Thủy điện Ngòi hút 2A; Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
Ông Nguyễn Duy Viễn (1)	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Phải trả Hợp tác kinh doanh</i>	120.807.948.000	120.807.948.000
Ông Cao Đăng Kiều (2)	97.141.760.000	97.141.760.000
Ông Trâu Kiến Hoa (3)	5.555.388.000	5.555.388.000
Ông Daniel Triệu (4)	11.110.800.000	11.110.800.000
Ông Tô Thanh Hà (5)	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Phạm Mạnh Thắng (6)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	125.307.948.000	125.307.948.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (1) Là khoản phải trả Ông Nguyễn Duy Viễn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 05/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó ông Nguyễn Duy Viễn góp 4.500.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Nguyễn Duy Viễn sẽ được hưởng 5,35% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.
- (2) Là khoản phải trả Ông Cao Đăng Kiểu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 07/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiểu góp 77.386.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Cao Đăng Kiểu sẽ được hưởng 20,44% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiểu góp 19.755.560.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Cao Đăng Kiểu sẽ được hưởng 23,49% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.
- (3) Là khoản phải trả Ông Trâu Kiến Hoa theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 4.890.800.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 1,28% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 02/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 664.588.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 0,79% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.
- (4) Là khoản phải trả Ông Daniel Triệu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 04/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 9.781.600.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 2,59% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 03/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 1.329.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 1,58 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.
- (5) Là khoản phải trả Ông Tô Thanh Hà theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 08/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 02/04/2020. Theo đó Ông Tô Thanh Hà góp 4.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Tô Thanh Hà sẽ được hưởng 0,91 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2.
- (6) Là khoản phải trả Ông Phạm Mạnh Thắng theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể,
Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 2007/2020/TTA-HTĐTBN ngày 20/07/2020. Theo đó Ông Phạm Mạnh Thắng góp 3.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự. Ông Phạm Mạnh Thắng sẽ nhận được 0,51% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
Vay ngắn hạn ngân hàng	15.092.974.664	15.092.974.664	30.918.360.620	30.918.360.620
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)</i>	<i>15.092.974.664</i>	<i>15.092.974.664</i>	<i>30.918.360.620</i>	<i>30.918.360.620</i>
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	258.640.000.000	258.640.000.000	256.390.000.000	256.390.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	23.640.000.000	23.640.000.000	26.390.000.000	26.390.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	52.000.000.000	52.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	100.000.000.000	100.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/06/2020 (5)	53.000.000.000	53.000.000.000	58.000.000.000	58.000.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (6)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	273.732.974.664	273.732.974.664	302.308.360.620	302.308.360.620

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/2548422/HĐTD ngày 05/09/2024, hạn mức 31.000.000.000 VND bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, mở L/C chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/2548422/HĐTD ngày 05/07/2023. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C, thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Tài sản đảm bảo là:

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBĐ ngày 11/10/2023. Giá trị của tài sản là 11.146.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBĐ ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 33.140.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau :

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<i>Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	15.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	15.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	-
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)</i>	30.918.360.620	51.704.068.712	-	(67.529.454.668)	15.092.974.664
<i>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</i>	256.390.000.000	-	258.790.455.950	(256.540.455.950)	258.640.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	26.390.000.000	-	23.639.999.998	(26.389.999.998)	23.640.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	47.000.000.000	-	52.000.000.000	(47.000.000.000)	52.000.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	95.000.000.000	-	100.000.000.000	(95.000.000.000)	100.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/06/2020 (5)	58.000.000.000	-	53.250.000.000	(58.250.000.000)	53.000.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (6)	30.000.000.000	-	29.900.455.952	(29.900.455.952)	30.000.000.000
Cộng	302.308.360.620	51.704.068.712	258.790.455.950	(339.069.910.618)	273.732.974.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715
Vay dài hạn ngân hàng	1.460.166.508.809	1.460.166.508.809	1.718.956.964.759	1.718.956.964.759
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	47.536.951.023	47.536.951.023	71.176.951.021	71.176.951.021
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	425.600.000.000	425.600.000.000	477.600.000.000	477.600.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	412.999.986.619	412.999.986.619	512.999.986.619	512.999.986.619
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (5)	456.526.571.167	456.526.571.167	509.776.571.167	509.776.571.167
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (6)	117.503.000.000	117.503.000.000	147.403.455.952	147.403.455.952
Cộng	1.599.417.486.524	1.599.417.486.524	1.858.207.942.474	1.858.207.942.474

(2) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 99-2015/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 15/6/2015, hạn mức cho vay là 134.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2A, thời gian vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là quyền đối với vốn góp của các cổ đông của công ty căn cứ hợp đồng thế chấp số 01-2015 ngày 20/6/2015, giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo này là 409.735.000.000 VND, hợp đồng bổ sung thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02-2016/HĐSDBS ngày 01/9/2016, giá trị tài sản hình thành tạm tính là 256.165.000.000 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-2016/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 01/9/2016, thay đổi hạn mức vay là 179.000.000.000 VND và phụ lục Kế hoạch trả nợ theo đó khoản vay được tắt toán ngày 30/9/2027.

(3) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 02-2017/HĐTD/SL-LA ngày 10/10/2017, hạn mức vay 607.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Pá Hu, thời gian vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị công trình dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 nhằm mục đích đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.426.050.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 914.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Tài sản đảm bảo là:

+ Quyền sử dụng đất của 8 thửa đất với diện tích 736.695,5m² tại xã Phước Hải, huyện Ninh Phước; xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam; xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 846941 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13/09/2021 và Công trình Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ gắn liền với khu đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 021/2021/2548422 ngày 30/12/2021. Giá trị của tài sản đảm bảo là 145.703.000.000 VND.

+ Máy móc, thiết bị của Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ theo Hợp đồng bổ sung tài sản thế chấp đối số 01/2021/2548422/HĐSĐBS. Giá trị của tài sản thế chấp là 1.126.427.000.000 VND.

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBD ngày 11/10/2023. Giá trị tài sản đảm bảo cho Hợp đồng là 28.944.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBD ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 86.056.000.000 VND.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 nhằm mục đích đầu tư Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.036.000.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 648.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 69% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 156 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tài sản đảm bảo là:

+ Quyền sử dụng đất của 02 thửa đất với tổng diện tích 488.562,5m² tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 913386, số vào sổ cấp GCN: CT 05839 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 19/05/2023 và Công trình Nhà máy điện mặt trời hồ Núi 1 gắn liền với khu đất. Giá trị của tài sản thế chấp là 294.444.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản Dự án Trang trại điện mặt trời hồ Núi 1 số 02/2020/254422/HĐTC ngày 21/10/2020 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2023/254422/HĐSĐBS.

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBD ngày 11/10/2023. Giá trị của tài sản đảm bảo cho hợp đồng là 50.337.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBD ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 149.663.000.000 VND.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 nhằm mục đích cho vay vốn tự có hình thành nên tài sản là Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 200.503.000.000 VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tài sản đảm bảo là:

+ Nhà máy thủy điện và trạm OPY theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/2548422/HĐBD ngày 11/10/2023. Giá trị của tài sản đảm bảo cho Hợp đồng là 85.514.840.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2023/2548422/HĐBD ngày 30/11/2023. Giá trị của Tài sản là 254.257.520.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	-	-	-	139.250.977.715
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	-	-	-	139.250.977.715
Vay dài hạn ngân hàng	1.718.956.964.759	-	-	(258.790.455.950)	1.460.166.508.809
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	71.176.951.021	-	-	(23.639.999.998)	47.536.951.023
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	477.600.000.000	-	-	(52.000.000.000)	425.600.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (4)	512.999.986.619	-	-	(100.000.000.000)	412.999.986.619
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (5)	509.776.571.167	-	-	(53.250.000.000)	456.526.571.167
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (6)	147.403.455.952	-	-	(29.900.455.952)	117.503.000.000
Cộng	1.858.207.942.474	-	-	(258.790.455.950)	1.599.417.486.524

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.924.306.076	-	(5.190.000.000)	1.734.306.076
Quỹ phúc lợi	11.506.014.276	-	(3.687.000.000)	7.819.014.276
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Cộng	20.430.320.352	-	(10.877.000.000)	9.553.320.352

17. Vốn chủ sở hữu**a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.574.629.370.000	340.766.201.532	1.915.395.571.532
Tăng vốn (*)	125.946.560.000	(125.946.560.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	101.460.434.802	101.460.434.802
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(9.798.305.022)	(9.798.305.022)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(24.467.638.866)	(24.467.638.866)
Số dư cuối năm trước	1.700.575.930.000	281.014.132.446	1.981.590.062.446
Số dư đầu năm nay	1.700.575.930.000	281.014.132.446	1.981.590.062.446
Lợi nhuận trong năm nay	-	231.545.747.912	231.545.747.912
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(34.560.407.272)	(34.560.407.272)
Số dư cuối năm nay	1.700.575.930.000	477.999.473.086	2.178.575.403.086

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26.04/2023/TTA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022 như sau:

+ Quỹ khen thưởng 3% của lợi nhuận sau thuế năm 2022 tương ứng 4.899.152.511 VND.

+ Quỹ phúc lợi 3% của lợi nhuận sau thuế năm 2022 tương ứng 4.899.152.511 VND.

+ Quỹ khen thưởng ban điều hành số tiền 1.000.000.000 VND.

+ Công ty Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 8%.

Công ty thực hiện phát hành 12.594.656 cổ phiếu. Mục đích phát hành là trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ. Ngày 20/06/2023 Công ty đã nhận được Công văn chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối: 12.594.656 cổ phiếu; Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu. Đến ngày 20/07/2023 Công ty đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Ông Trần Huy Đức	395.549.560.000	23,26%	395.549.560.000	23,26%
Ông Trần Huy Thiệu	85.800.650.000	5,05%	110.854.650.000	6,52%
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	401.848.120.000	23,63%	401.848.120.000	23,63%
Bà Nguyễn Thị Ngọc	197.774.780.000	11,63%	197.774.780.000	11,63%
Các cổ đông khác	619.602.820.000	36,43%	594.548.820.000	34,96%
Cộng	1.700.575.930.000	100,00%	1.700.575.930.000	100,00%

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	170.057.593	170.057.593
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu phổ thông	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu phổ thông	170.057.593	170.057.593
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	40,61	67,01

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	2.019.870.488	2.019.870.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nặm Cườm, Xã Nặm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	676.995.653.946	622.699.510.506
Doanh thu thuế, phí liên quan hoạt động bán điện	43.364.604.150	32.779.722.122
Doanh thu cho thuê tài sản	13.750.000.000	-
Cộng	734.110.258.096	655.479.232.628

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn điện	255.566.642.216	254.864.650.913
Giá vốn thuế, phí liên quan hoạt động bán điện	43.364.604.150	32.779.722.122
Giá vốn cho thuê tài sản	11.670.931.146	-
Cộng	310.602.177.512	287.644.373.035

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	104.792.159	172.486.239
Doanh thu tài chính khác	154.803.897	-
Cộng	259.596.056	172.486.239

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	146.104.599.230	211.481.339.563
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.733.577.792
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.451.873.539)	7.870.607.810
Cộng	142.652.725.691	223.085.525.165

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.928.465.762	8.064.506.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.384.365.300	1.389.986.217
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.049.678.277	1.591.379.022
Các chi phí khác	11.380.206.769	8.975.741.437
Cộng	25.746.716.108	20.025.613.615

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	659.614.857
Thu nhập khác	30.261.605	762.954
Cộng	30.261.605	660.377.811

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt vi phạm, hành chính	2.380.482.362	10.619.506.854
Các khoản chi ủng hộ	2.946.772.998	415.000.000
Chi phí khấu hao không được trừ	1.218.435.000	1.218.435.000
Chi phí khác	-	191.472.476
Cộng	6.545.690.360	12.444.414.330

8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	248.852.806.086	113.112.170.533
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Các khoản phạt vi phạm, hành chính</i>	2.380.482.362	10.619.506.854
<i>Chi phí khấu hao không được trừ</i>	1.218.435.000	1.218.435.000
<i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	19.693.765.567	71.259.197.947
<i>Chi phí khác</i>	2.946.772.998	606.472.476
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.632.561.710)	-
<i>Lãi được trừ chuyển sang</i>	(11.632.561.710)	-
Thu nhập chịu thuế	263.459.700.303	196.815.782.810
Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 10%	134.430.427.897	116.166.301.546
Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 20%	129.029.272.406	80.649.481.264
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	263.459.700.303	196.815.782.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	25.805.854.481	16.129.896.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	13.443.042.790	11.616.630.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(21.941.839.097)	(16.094.790.677)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.307.058.174	11.651.735.731
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.307.058.174	11.651.735.731

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cuôm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	231.549.747.912	101.460.434.802
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Chi trả lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	(34.561.165.227)	(24.467.638.866)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	196.988.582.685	76.992.795.936
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	170.057.593	170.057.593
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.158,36	452,75

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26.04/2024/TTA/NQ-DHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2024 được điều chỉnh khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	170.057.593	170.057.593
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	170.057.593	170.057.593

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	33.643.958.463	27.698.565.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	216.927.734.053	204.524.380.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.740.699.343	30.857.373.516
Chi phí khác	57.254.936.761	44.589.667.218
Cộng	337.567.328.620	307.669.986.650

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo:

		Năm nay	Năm trước
Ban Lãnh đạo			
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Chủ tịch HĐQT	809.286.000	661.868.600
Bà Trần Huyền Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	448.433.600	364.946.950
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	492.412.000	562.612.317
Ông Trần Huy Thiệu	Thành viên HĐQT	-	245.595.000
Ông Vũ Xuân Hiểu	Thành viên HĐQT	-	125.925.900
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	511.712.900	601.343.600
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	436.504.850	486.414.900

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước
HĐQT		
Bà Nguyễn Thị Ngọc	60.000.000	54.000.000
Ông Trần Huy Thiệu	36.000.000	32.400.000
Ông Vũ Xuân Hiểu	36.000.000	32.400.000
Bà Trần Huyền Trang	36.000.000	32.400.000
Ông Nguyễn Văn Trường	36.000.000	32.400.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	-	10.800.000
Ông Nguyễn Duy Viễn	-	10.800.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	-	10.800.000
Ban Kiểm soát		
Bà Kiều Thị Mỹ Hạnh	48.000.000	43.200.000
Bà Thành Hồng Thắm	24.000.000	21.600.000
Bà Hà Huyền Trang	24.000.000	21.600.000

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả thù lao HĐQT	300.000.000	336.000.000
Tạm chi trả nợ vay - Bà Nguyễn Thị Ngọc	32.025.000.000	58.650.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4, V.14 và V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

B. Giao dịch với bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	+ Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành + Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành	+ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là thành viên góp vốn của công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành
Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai	+ Công ty cổ phần Phong điện Phương mai là công ty liên kết của công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và phát triển Trường Thành

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành		
Phải thu theo hợp đồng chia sẻ vốn đầu tư xây dựng	14.850.000.000	-
Thu tiền theo hợp đồng chia sẻ vốn đầu tư xây dựng	14.850.000.000	
Hoàn tiền tạm ứng dự án thủy điện Suối Sập (*)	4.000.000.000	13.000.000.000

(*) Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.05/2023/TTA/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 05 năm 2023 thông qua dừng và hủy bỏ việc chuyển nhượng Công trình Thủy điện Suối Sập 2 tại xã Suối Tọ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La từ Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V3.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Khu vực địa lý

Công ty có các khu vực kinh doanh chính sau:

- Khu vực Yên Bái
- Khu vực Ninh Thuận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Kinh doanh điện
- Lĩnh vực khác: Chia sẻ đường dây

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cước, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm nay	Khu vực Yên Bái	Khu vực Ninh Thuận	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	386.193.025.394	347.917.232.702	-	734.110.258.096
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	386.193.025.394	347.917.232.702	-	734.110.258.096
Chi phí bộ phận	166.174.666.043	144.427.511.469	-	310.602.177.512
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	220.018.359.351	203.489.721.233	-	423.508.080.584
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(25.746.716.108)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				397.761.364.476
Doanh thu hoạt động tài chính				259.596.056
Chi phí tài chính				(142.652.725.691)
Thu nhập khác				30.261.605
Chi phí khác				(6.541.690.360)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(17.307.058.174)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				231.549.747.912
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.165.061.818	4.139.952.863	-	11.305.014.681
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	104.137.071.003	112.873.406.765	-	217.010.477.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cước, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Số cuối năm	Khu vực Ninh Thuận		
	Khu vực Yên Bái	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.913.969.160.935	1.887.565.735.574	(1.551.013.260.167) 4.250.521.636.342
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản	3.913.969.160.935	1.887.565.735.574	(1.551.013.260.167) 4.250.521.636.342
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.059.398.147.062	1.563.558.104.316	(1.551.013.260.167) 2.071.942.991.211
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.059.398.147.062	1.563.558.104.316	(1.551.013.260.167) 2.071.942.991.211

Lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực kinh doanh điện	720.360.258.096	655.479.232.628
Lĩnh vực khác	13.750.000.000	-
Cộng	734.110.258.096	655.479.232.628

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	273.732.974.664	1.202.290.915.357	397.126.571.167	1.873.150.461.188
Phải trả người bán	3.372.041.471	-	-	3.372.041.471
Các khoản phải trả khác	41.561.106.184	125.307.948.000	-	166.868.296.229
Cộng	318.666.122.319	1.327.598.863.357	397.126.571.167	2.043.390.798.888
Số đầu năm				
Vay và nợ	302.308.360.620	1.224.526.966.818	633.680.975.656	2.160.516.303.094
Phải trả người bán	5.826.473.835	-	-	5.826.473.835
Các khoản phải trả khác	55.462.425.757	125.307.948.000	-	180.770.373.757
Cộng	363.597.260.212	1.349.834.914.818	633.680.975.656	2.347.113.150.686

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.737.314.509	3.907.257.691	27.737.314.509	3.907.257.691
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	110.127.457.516	87.028.879.344	110.127.457.516	87.028.879.344
Các khoản phải thu khác	124.120.783.214	96.945.783.214	124.120.783.214	96.945.783.214
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	101.748.772.609	98.296.899.070	101.748.772.609	98.296.899.070
Cộng	364.734.327.848	287.178.819.319	364.734.327.848	287.178.819.319
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.873.150.461.188	2.160.516.303.094	1.873.150.461.188	2.160.516.303.094
Phải trả người bán	3.372.041.471	5.826.473.835	3.372.041.471	5.826.473.835
Các khoản phải trả khác	166.869.054.184	180.770.373.757	166.869.054.184	180.770.373.757
Cộng	2.043.391.556.843	2.347.113.150.686	2.043.391.556.843	2.347.113.150.686

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với các khoản vốn góp và nợ phải trả của Ông Trần Huy Đức cho các đối tượng có liên quan.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Các thông tin khác

“Theo thông báo số 3116/TB-TTCT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thanh tra chính phủ về Kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo quy hoạch điện VII và quy hoạch điện VII điều chỉnh.

Tại phần III mục C: Kiến nghị các biện pháp xử lý:

Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan đề xuất giải pháp Xử lý kinh tế với 14 dự án điện mặt đã và đang hưởng cơ chế giá khuyến khích không đúng với nội dung Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/08/2018 của Chính phủ (trong đó có Ngăn lộ 473 của Dự án Điện Mặt Trời Hồ Bàu Ngự của Công ty).

Tại ngày lập báo cáo tài chính này chưa có phán quyết cuối cùng của các đơn vị có thẩm quyền. Công ty sẽ điều chỉnh báo cáo tài chính tổng hợp (nếu có thay đổi) khi các văn bản pháp lý sửa đổi có hiệu lực.”

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26.04/2024/TTA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành không thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.

Theo đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại như sau: (xem thuyết minh VI.9)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70,71	419,70	452,75

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thu Trà

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng

Phó Tổng Giám đốc



Trần Huyền Trang

**TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024 audited by

NHAN TAM VIET AUDITING COMPANY LIMITED

CONTENT

Content	Page
Report of the Board of Directors	2-5
Auditor's report	6-7
Audited Combined financial statements	8-48
<i>Combined Balance sheet as at 31 December 2024</i>	<i>8-11</i>
<i>Combined Income statement for the year 2024</i>	<i>12</i>
<i>Combined Cash flow statement for the year 2024</i>	<i>13-14</i>
<i>Notes to the Combined financial statements for as at 31 December 2024</i>	<i>15-48</i>

REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of the company presents this report together with the Company's audited combined financial statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company was first granted Business Registration Certificate No. 0103026597 by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on September 5, 2008, and registered for the 15th change on July 20, 2023 under Business Registration Certificate No. 0102899812 issued by the Department of Planning and Investment of Yen Bai province. During its operation, the Company has been granted 15 additional Business Registration Certificates for joint stock companies by the Department of Planning and Investment of Hanoi City and the Department of Planning and Investment of Yen Bai province due to changes in legal representatives, business lines, charter capital, head office address and branch information.

Charter capital according to the 15th Business Registration Certificate: 1,700,575,930,000 VND.

Charter capital contributed at 31/12/2024: 1,700,575,930,000 VND.

Head office:

Address : Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province
Telephone : 02163.897359/ 02462.691699
Fax : 0293 897 359
Email : contact@truongthanhgroup.com.vn
Tax code : 0102899812

Business lines:

- Construction, production, operation of power projects;
- Electricity trading;
- Construction of civil, industrial, postal-telecommunications, irrigation, hydroelectric works, wind power projects, road traffic at all levels, airports, ports, bridges, urban works and industrial parks, interior decoration;
- Construction and installation of works, power lines and transformer stations up to 110KV, 35KV transformer stations;
- Restaurant, hotel, eco-tourism, entertainment area business (excluding bar, dance hall, karaoke room business);
- Production and trading of machinery, materials and equipment serving the construction industry;
- Production and trading of construction materials, stone mining;
- Purchase agent, sales agent, consignment of goods;
- Import and export of the company's business items;

Dependent units:

Name	Address
Branch of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company in Ninh Thuan	Lot 03, Row N2, 16/4 Street, My Hai Ward, Phan Rang-Thap Cham City, Ninh Thuan Province. Branch code: 0102899812-003

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS (cont)

Financial position and business results

The financial position from 31 December 2024, the combined income statement and the combined cash flows for the fiscal year then ended of the Company have been expressed in the combined financial statements attached to this report (from page 07 to page 48).

Subsequent events

At the time of preparing this report, Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company is carrying out procedures to transfer rights and obligations regarding assets and liabilities of Mr. Tran Huy Duc to related entities.

In addition to the above event, The Board of General Directors of the Company hereby ensures that there have been no events from 31 December 2024 to the date of this report which have not been considered to make adjustments on the figures or the disclosures in the combined financial statements.

The Board of Management and Directors

Member of The Board of Management and Directors during the year and at the date of this report are:

Board of Management

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mrs. Nguyen Thi Ngoc	Chairman
Mr. Tran Huy Thieu	Member
Mr. Vu Xuan Hieu	Member
Mrs. Tran Huyen Trang	Member
Mr. Nguyen Van Truong	Member

Board of General Directors

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mr. Nguyen Duy Hung	General Director
Mr. Nguyen Thanh Ha	Deputy General Director
Mr. Nguyen Van Truong	Deputy General Director
Mrs. Tran Huyen Trang	Deputy General Director

Control Board

<u>Name</u>	<u>Position</u>
Mrs. Kieu Thi My Hanh	Chief Controller
Mrs. Thanh Hong Tham	Member
Mrs. Ha Huyen Trang	Member

Auditor

Nhan Tam Viet Auditing Company Limited has performed the audit on the Aggregated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS (cont)

Confirmation of the Board of General Directors

The Board of General Directors of the Company is responsible for the preparation of the combined financial statements to give a true and fair view on the financial position, the business results and the cash flows of the Company in each fiscal year. In order to prepare these combined financial statements, the Board of General Directors must:

- Establish and implement an effective internal control system to minimize the risk of material misstatement due to fraud or error in the preparation and presentation of the combined financial statements.
- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- Announce the accounting standards to be followed for the material issues to be disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare and present the financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese corporate accounting regime and legal regulations related to the preparation and presentation of the financial statements.
- Prepare the financial statements of the Company on the basis of the going-concern assumption;

The Board of General Directors of the Company ensures that the accounting books are archived to reflect the financial position of the Company, with a level of truthfulness and reasonableness at all times and ensures that the combined Financial Statements comply with applicable regulations of the Government. At the same time, it is responsible for ensuring the safety of the Company's assets and taking appropriate measures to prevent and detect fraudulent acts and other violations of the Company as at December 31, 2024, business results and cash flows for the fiscal year ended December 31, 2024, in accordance with Accounting Standards, Vietnamese corporate accounting regime and comply with legal regulations related to the preparation and presentation of combined financial statements.

Other commitments

The Board of General Directors commit to follow Degree No 155/2020/NĐ-CP issued on 31/12/2020 guide to corporate management use for public companies and disclosure duty unviolated companies according to Circular No 96/2020/TT-BTC issued on November 16, 2020 of the Ministry of Finance to guide for information disclosure on the stock market.

Yen Bai, 28 March 2025

On behalf of the Board of General Directors,

Deputy General Director



Tran Huyen Trang

Pursuant to Power of Attorney No. 463/TTA-UQ dated December 30, 2024.

No : 2806.01.02/2024/BCTC-NTV2

AUDITOR'S REPORT
on the combined financial statements for the year 2024

To : **Shareholders, Board of Management, Board of General Directors**
Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company

We have audited the combined financial statements of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company on 28 March 2025 from page 07 to 48 including the combined balance sheet as at 31 December 2024, the combined Income statement, the combined Cash flow statement and the Notes to the combined Financial statements for the fiscal year then ended.

Responsibility of the Board of General Directors

The Board of General Directors of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company is responsible for the preparation and the presentation to give a true and fair view on the combined financial statements of the Company in accordance with the prevailing Vietnamese Accounting Standards and System as well as other related regulations, and is responsible for internal control which The Director realizes that it is necessary to ensure the preparation and the presentation of the combined financial statements to be free from material errors due to frauds or mistakes.

Responsibility of the Auditor

Our responsibility is to express our opinions on these combined financial statements on the basis of our audit. Our audit is conducted in accordance with the Vietnamese Independent Auditing Regulations and Standards. These standards require that we comply with the standards and professional ethical requirements, plan and perform the audit procedures to obtain a reasonable assurance that the financial statements are free from material mistakes.

The audit fieldwork includes the implementation of procedures to obtain audit evidence supporting the amounts and the disclosures in the combined financial statements. The audit procedures are selected on the basis of the auditor's judgment, including the assessments of risks of material mistakes in the financial statements due to errors or fraud. When assessing these risks, the auditor had considered whether the internal control system of the Company related to the preparation and presentation of the combined financial statements is true and fair to design audit procedures that are appropriate with actual situation, however, not provide the opinion on the effectiveness of the internal control system of the Company. The audit also includes our assessment on the appropriateness of the accounting policies applied, the accounting estimates of the Company's Director as well as our evaluation on the overall presentation of the combined financial statements.

We believe that audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate for our audit opinion.

Audit opinion

Ha Noi, 28 March 2025

Deputy General Director



Auditor's Certificate No : 1690-2023-124-1

[Signature]

Auditor's Certificate No : 4497-2023-124-1

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS		Cod e	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS		100		272,786,959,739	196,548,132,130
I. Cash and cash equivalents		110	V.1	27,737,314,509	3,907,257,691
1. Cash		111		27,737,314,509	3,907,257,691
2. Cash equivalents		112		-	-
II. Short-term financial investment		120		-	-
1. Trading securities		121		-	-
2. Provision for devaluation of trading securities		122		-	-
3. Investments held to maturity dates		123		-	-
III. Short-term accounts receivable		130		244,619,160,316	192,335,164,438
1. Receivable from customers		131	V.2	110,127,457,516	87,028,879,344
2. Short-term prepayments to suppliers		132	V.3	10,370,919,586	8,360,501,880
3. Short-term inter-company receivable		133		-	-
4. Receivable according to the progress of constru		134		-	-
5. Receivable on short-term loans		135		-	-
6. Other receivable		136	V.4	124,120,783,214	96,945,783,214
7. Provision for short-term bad debts		137		-	-
8. Deficient assets to be treated		139		-	-
IV. Inventories		140		-	-
1. Inventories		141		-	-
2. Provisions for devaluation of inventories		149		-	-
V. Other current assets		150		430,484,914	305,710,001
1. Short-term prepaid expenses		151	V.5a	430,484,914	305,710,001
2. VAT deductible		152		-	-
3. Taxes and accounts receivable from the State		153		-	-
4. Transaction of repurchasing the Government's b		154		-	-
5. Other current assets		155		-	-

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined balance sheet (Cont.)

ASSETS	Cod e	Note	Ending balance	Beginning balance
B - LONG-TERM ASSETS	200		3,977,734,676,603	4,179,988,266,151
I. Long-term accounts receivable	210		-	-
1. Long-term accounts receivable from customers	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivable	214		-	-
5. Receivable on long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivable	216		-	-
7. Provision for long-term bad debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		3,819,782,843,877	4,034,548,028,839
1. Tangible assets	221	V.6	3,819,635,116,977	4,034,400,301,939
<i>Historical costs</i>	222		5,057,840,259,469	5,055,677,710,378
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(1,238,205,142,492)	(1,021,277,408,439)
2. Financial leasehold assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible assets	227	V.7	147,726,900	147,726,900
<i>Historical costs</i>	228		147,726,900	147,726,900
<i>Accumulated depreciation</i>	229		-	-
III. Investment property	230		-	-
<i>Historical costs</i>	231		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.8	55,118,977,597	46,066,687,597
1. Long-term operating expenses in progress	241		-	-
2. Construction in progress	242		55,118,977,597	46,066,687,597
V. Long-term financial investment	250		102,748,772,609	99,296,899,070
1. Investment in subsidiaries	251		-	-
2. Investment in associates and joint ventures	252	V.9	115,500,000,000	115,500,000,000
3. Investment, capital contribution in other entities	253		-	-
4. Provision for long-term financial investment	254	V.9	(13,751,227,391)	(17,203,100,930)
5. Investment held until maturity date	255	V.10	1,000,000,000	1,000,000,000
VI. Other long-term assets	260		84,082,520	76,650,645
1. Long-term prepaid expenses	261	V.5b	84,082,520	76,650,645
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term equipment, materials, spare parts	263		-	-
4. Other long-term assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		4,250,521,636,342	4,376,536,398,281

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined balance sheet (Cont.)

CAPITAL SOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		2,071,946,233,256	2,394,946,335,835
I. Current liabilities	310		347,220,798,732	411,430,445,361
1. Short-term payable to suppliers	311	V.11	3,372,041,471	5,826,473,835
2. Short-term advances from customers	312		-	-
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.12	19,002,114,016	27,402,864,797
4. Payable to employees	314		5,511,862,209	5,293,108,325
5. Short-term accrued expenses	315	V.13	1,488,078,748	10,861,882,822
6. Short-term inter-company payable	316		-	-
7. Payable according to the progress of construction	317		-	-
8. Short-term unrealized revenues	318		-	-
9. Other payable	319	V.14a	34,560,407,272	39,307,434,610
10. Short-term financial leasehold loans and debts	320	V.15a	273,732,974,664	302,308,360,620
11. Provision for current liabilities	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.16	9,553,320,352	20,430,320,352
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Transaction of repurchasing the Government's bonds	324		-	-
II. Long-term liabilities	330		1,724,725,434,524	1,983,515,890,474
1. Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payable on working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payable	335		-	-
6. Long-term unrealized revenue	336		-	-
7. Other long-term payable	337	V.14b	125,307,948,000	125,307,948,000
8. Long-term loans and financial lease debts	338	V.15b	1,599,417,486,524	1,858,207,942,474
9. Transferable bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax	341		-	-
12. Provision for long-term liabilities	342		-	-
13. Scientific and technological development fund	343		-	-

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined balance sheet (Cont.)

CAPITAL SOURCES	Cod e	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		2,178,575,403,086	1,981,590,062,446
I. Owner's equity	410	V.17	2,178,575,403,086	1,981,590,062,446
1. Owner's contribution capital	411		1,700,575,930,000	1,700,575,930,000
- Common shares with voting right	411a		1,700,575,930,000	1,700,575,930,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		-	-
3. Option on converting shares	413		-	-
4. Owner's other capital	414		-	-
5. Treasury stocks	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange rate differences	417		-	-
8. Business promotion fund	418		-	-
9. Business reorganization support fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained profit after tax	421		477,999,473,086	281,014,132,446
- Retained profit after tax accumulated by the en	421a		281,014,132,446	204,021,336,510
- Retained profit after tax of the current period	421b		196,985,340,640	76,992,795,936
12. Capital sources for construction	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Funding sources	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL CAPITAL SOURCES	440		4,250,521,636,342	4,376,536,398,281

Prepared by



Tran Thu Tra

Chief Accountant



Nguyen Dung Hoang

Prepared on 28 March 2025

Deputy General Director



Tran Huyen Trang

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED INCOME STATEMENT

Year 2024

Unit: VND

ITEMS	Cod e	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sale of goods and rendering services	01	VI.1	734,110,258,096	655,479,232,628
2. Deductions	02		-	-
3. Net sales	10		734,110,258,096	655,479,232,628
4. Costs of goods sold and services rendered	11	VI.2	310,602,177,512	287,644,373,035
5. Gross profit	20		423,508,080,584	367,834,859,593
6. Financial income	21	VI.3	259,596,056	172,486,239
7. Financial expenses	22	VI.4	142,652,725,691	223,085,525,165
In which: Loan interest expenses	23		146,104,599,230	211,481,339,563
8. Selling expenses	25		-	-
9. General administration expenses	26	VI.5	25,746,716,108	20,025,613,615
10. Net operating profit	30		255,368,234,841	124,896,207,052
11. Other income	31	VI.6	30,261,605	660,377,811
12. Other expense	32	VI.7	6,545,690,360	12,444,414,330
13. Other profit	40		(6,515,428,755)	(11,784,036,519)
14. Profit before tax	50		248,852,806,086	113,112,170,533
15. Current corporate income tax expense	51	VI.8	17,307,058,174	11,651,735,731
16. Deferred corporate income tax expenses	52		-	-
17. Profit after corporate income tax	60		231,545,747,912	101,460,434,802
18. Basic earnings per share	70	VI.9	1,158.34	452.75
19. Diluted earnings per share	71	VI.9	1,158.34	452.75

Prepared by



Tran Thu Tra

Chief Accountant



Nguyen Dung Hoang

Prepared on 28 March 2025

Deputy General Director




Tran Huyen Trang

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED CASH FLOW STATEMENT

(Under indirect method)

Year 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		248,852,806,086	113,112,170,533
2. Adjustments				
- Depreciation of fixed assets and investment property	02		216,927,734,053	205,742,815,269
- Provisions	03		(3,451,873,539)	7,870,607,810
- Gain and loss from exchange rate differences due to reevaluate monetary items denominated in foreign currencies	04		-	-
- Gains and losses from investing activities	05		(104,792,159)	(172,486,239)
- Interest expenses	06		146,104,599,230	211,481,339,563
- Other adjustments	07		-	-
3. Profits from business activities before changing working capital	08		608,328,473,671	538,034,446,936
- Increase or decrease in receivables	09		(19,578,963,369)	(9,153,702,571)
- Increase or decrease in inventory	10		-	-
- Increase or decrease in payables	11		(54,264,480,039)	(305,132,629,036)
- Increase or decrease in advancements	12		(132,206,788)	1,419,257,564
- Increase or decrease in trading securities	13		-	-
- Interest paid	14		(151,790,268,420)	(205,146,327,943)
- Corporate income tax paid	15		(16,674,576,890)	(14,822,505,336)
- Other revenues from business activities	16		-	-
- Other expenses for business activities	17		(10,877,000,000)	(3,586,416,000)
Net cash flows from operating activities	20		355,010,978,165	1,612,123,614
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(11,894,871,600)	-
2. Gains from disposal and liquidation of and other long-term assets	22		-	-
3. Loans given and purchases of debt instruments of other entities	23		-	-
4. Recovery of loan given and disposals of debt instruments of other entities	24		-	200,000,000
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Receipts of loans given, dividends and profit shared	27		104,792,159	172,486,239
Net cash flows from investing activities	30		(11,790,079,441)	372,486,239

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Cash flow statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financial activities				
1. Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders	31		-	-
2. Repayments of capital contributions to owners and re-purchase of stocks already issued	32		-	-
3. Receipts from loans	33		51,704,068,712	322,676,583,058
4. Payment of loan principal	34		(371,094,910,618)	(403,286,557,639)
5. Payment of financial lease debts	35		-	-
6. Dividends and profit shared to the owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financial activities</i>	<i>40</i>		<i>(319,390,841,906)</i>	<i>(80,609,974,581)</i>
Net cash flows during the year	50		23,830,056,818	(78,625,364,728)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	3,907,257,691	82,532,622,419
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	27,737,314,509	3,907,257,691

Prepared by



Tran Thu Tra

Chief Accountant



Nguyen Dung Hoang



Prepared on 28 March 2025

Deputy General Director



Tran Huyen Trang

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

NOTES TO THE COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

Year 2024

I. OPERATION FEATURES

1. **Ownership form** : Joint Stock Company

2. **Operating field** : Manufacturing, construction, installation and trade

3. **Main operation during the year:**

- Construction, production, operation of power projects;
- Electricity trading;
- Construction of civil, industrial, postal-telecommunications, irrigation, hydroelectric works, wind power projects, road traffic at all levels, airports, ports, bridges, urban works and industrial parks, interior decoration;
- Construction and installation of works, power lines and transformer stations up to 110KV, 35KV transformer stations;
- Restaurant, hotel, eco-tourism, entertainment area business (excluding bar, dance hall, karaoke room business);
- Production and trading of machinery, materials and equipment serving the construction industry;
- Production and trading of construction materials, stone mining;
- Purchase agent, sales agent, consignment of goods;
- Import and export of the company's business items./.

4. **Business Structure**

Dependent units

Name	Address
Branch of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company in Ninh Thuan	Lô 03, Lot 03, Row N2, 16/4 Street, My Hai Ward, Phan Rang-Thap Cham City, Ninh Thuan Province. Branch code: 0102899812-003

5. **Common producing and business cycle** : within 12 months

6. **Characteristics of the Company's operations during the year that affect the Financial Statements**

No.

7. **Statement on comparability of information on financial statements:** The financial statements' data for 2024 are completely consistent and comparable with those of the 2023 financial statements.

8. **Employees**

At the end of the fiscal year, the Company had 137 employees (132 employees at the beginning of the year).

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

II. FISCAL YEAR AND STANDARD CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING

1. Fiscal year

Fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Standard currency unit used in accounting

The standard currency unit used in accounting is Vietnam dong (VND).

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM APPLIED

1. Accounting system

The Company has been applying the Vietnamese Accounting System issued in accordance with the Circular No, 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, Circular No, 53/2016/TT-BTC amending and supplementing Circular No.200/2014/TT-BTC of the Finance Minister and the Circulars giving guidance on the implementation of accounting standards and system of the Ministry of Finance.

2. Statement on the compliance with the accounting standards and system

The General Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards and System issued in accordance with the Circular No, 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, Circular No, 53/2016/TT-BTC amending and supplementing Circular No. 200/2014/TT-BTC of the Finance Minister and the Circulars giving guidance on the implementation of accounting standards and system of the Ministry of Finance in the preparation of these combined financial statements.

3. Applicable accounting form

The Company has been using the accounting form of general journal recording in the computer.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparing Combined financial statements

Combined financial statements are prepared on the basis of accrual accounting (excluding information related to cash flows).

The affiliated units have their own accounting organization and dependent accounting. The financial statements of the entire Enterprise are prepared on the basis of synthesizing the financial statements of the affiliated units. In the separate financial statements of the Enterprise, internal transactions and internal balances related to assets, capital sources and internal receivables and payables have been excluded.

2. Foreign currency transactions

Actual exchange rate for transactions in foreign currencies incurred in the year:

- The actual exchange rate when buying and selling in foreign currencies is the rate specified in the foreign currency purchase and sale contract between the Company and a commercial bank;
- The rate of contributing capital or receiving capital contribution is the foreign currency buying rate of the bank where the Company opens an account to receive capital from investors on the date of capital contribution;

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

- The rate when recognizing receivables is the buying rate of the commercial bank where the Company appoints customers to pay at the time the transaction arises;
- The rate when recognizing liabilities is the selling rate of the commercial bank where the Company intends to make the transaction at the time the transaction arises;
- The rate when purchasing assets or making immediate payments in foreign currency is the buying rate of the commercial bank where the Company makes the payment.

Actual exchange rate upon revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the time of preparing the financial statements:

- For items classified as assets, the applied rate is the buying rate in foreign currency;
- For foreign currency deposits, the applied rate is the purchase rate of the bank where the Company opens foreign currency accounts;
- For items classified as liabilities, the applied rate is the selling exchange rate of foreign currency of the commercial bank where the Company regularly has transactions.

All real exchange rate differences arising in the period and differences resulting from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the period are accounted to the income statement of the accounting period.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash at the fund, demand deposits in bank, monetary gold used with value storage functions, excluding gold classified as inventory used for the purpose of raw materials. materials to manufacture products or goods for sale.

4. Financial investment

Held-to-maturity investments

An investment is classified as held-to-maturity when the Company has the intention and ability to hold to maturity. Held-to-maturity investments include: bank deposits with term (including treasury bills, promissory notes), bonds, and preference shares that the issuer is required to buy back, and loans held to maturity for the purpose of earning periodical interests and other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are initially recognized at historical cost including the purchase price and transaction costs of the investments. After initial receipt, these investments are recorded at recoverable value. Interest income from held-to-maturity investments after the acquisition date is recognized in the income statement on an accrual basis. Interest earned before the Company acquires is deducted from the original cost at the time of purchase.

Investments in subsidiaries, joint ventures, associates

Associated company

An associate is a company in which the Company has significant influence but does not have control over financial and operating policies. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decision-making process of the investee company but does not control these policies.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Investments in associates are initially recognised at historical cost cost including the purchase price and transaction costs of the investments. In the case of investments in non-monetary assets, the cost of the investment is recognised at the fair value of the non-monetary assets at the time of acquisition.

5. Recognition of account receivables

The receivables of debts are recognized as teh recorded amount minus the provisions for doubtful debts.

Receivables are classified as receivables from customers and other receivables according to the following principles:

- Receivables from customers represent commercial receivables arising from buying - selling transactions between the Company and buyers that are independent from the Company, including receivables on the sales proceeds from the export consignment to another unit.
- Internal receivables reflect receivables from affiliated units without legal entity status that are dependent on accounting.
- Other receivables reflect non-commercial receivables not related to purchase and sale transactions.

Provisions for bad debts are made for each bad debt based on the overdue age of debts or expected losses, specifically as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the value for debts overdue from 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the value for debts overdue from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the value for debts overdue from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the value for debts receivable from 3 years or more.
- For receivable debts that are not overdue but difficult to recover: based on expected loss levels to set up provisions.

6. Inventories

Inventories are recorded at the lower of cost between historical cost and net realizable value.

The historical cost of inventories is determined as follows:

- Raw materials and merchandise: purchase costs and other directly related costs incurred to obtain inventory at the current location and condition.

Inventory value is calculated on a weighted average basis and is accounted for by the regular declaration method.

7. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of fixed assets include all the expenses of the Company to have these fixed assets as of the dates they are ready to be put into use. Other expenses incurred subsequent to the initial recognition are included in historical costs of fixed assets only if they certainly bring more economic benefits in the future thanks to the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into expenses.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/loss arisen is posted into the income or the expenses during the year.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years are estimated as follows:

<u>Fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
House, building materials	20 – 50
Machinery and equipment	05 - 25
Means of transportation, transmission	05 – 10
Management tools and equipment	05 - 07
Other assets	20 - 25

8. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The historical cost of intangible fixed assets includes all costs that the Company must spend to acquire the fixed asset up to the time the asset is put into a ready-to-use state. Costs related to intangible fixed assets that arise after initial recognition are recorded as production and business costs in the period unless these costs are associated with a specific intangible fixed asset. and increase economic benefits from these assets.

When intangible fixed assets are sold or liquidated, their original cost and accumulated depreciation are written off and profits and losses arising from disposal are recorded in income or expenses during the year.

The Company's intangible fixed assets include:

Land use rights

Land use rights belong to map sheet No. 105/2009/BĐĐC at the address of Nam Cuom village, Nam Bung commune, Van Chan district, Yen Bai province according to the Land Use Rights Certificate issued on May 18, 2009. The term of use is long-term so there is no depreciation.

9. Construction in progress

Construction in progress represents directly related costs (including interest expenses related in accordance with the Company's accounting policy) to assets in construction progress, machinery and equipment being installed for production, rental and management purposes as well as expenses related to the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at cost and not depreciated.

10. Recognition of prepaid expenses

Prepaid expenses record actual expenses that have arisen but are related to the results of business activities in many accounting periods. The Company's prepaid expense includes the following costs:

Tools and equipments

Tools and instruments put into use are amortized on a straight-line basis over a period of no more than 3 years.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Other prepaid expenses

Other prepaid expenses are amortized to expenses on a straight-line basis with amortization period not exceeding 3 years.

11. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for future amounts payable in respect of goods and services already received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates on the payable amount.

Payables are classified as commercial payables, accrued expenses, internal payables and other payables according to the following principles:

- Trade payables represent commercial payables arising from purchases of goods, services or assets and the seller is independent from the Company, including payables when import through authorized receivers.
- Accrued expenses reflect payables for goods or services received from seller or provided to a buyer but not paid due to lack of invoices or insufficient accounting documents and payables to employees on vacation pay, accrued production and business expenses.
- Other payables reflect non-commercial payables not related to the transactions of buying, selling or supplying goods or services.

12. Principle of recognition of loans and financial lease liabilities

The company must keep track of the payable terms of loans and finance lease liabilities. For loans with a repayment period of more than 12 months from the date of the Combined financial statements, the accountant must present them as long-term borrowings and financial leases. For loans due within the next 12 months from the date of the financial statements, the accountant must present them as short-term borrowings and financial lease liabilities for a payment plan.

For finance lease liabilities, the total liability reflected to the Credit side of account 341 is the total payable amount calculated by the current value of the minimum lease payments or fair value of the rented assets.

Loans and debts in foreign currencies must be converted into the accounting currency at the actual exchange rate at the time of arising;

- When repaying debts or borrowing in foreign currencies, the Debit side of account 341 is converted at the actual bookkeeping rate for each item;
- When preparing financial statements, loan balances and financial lease liabilities in foreign currencies must be re-evaluated according to actual exchange rates at the time of preparing financial statements.
- Exchange rate differences arising from the settlement and revaluation of loans and financial lease liabilities in foreign currencies at the end of the loan term are recorded as financial income or expenses.

13. Recognition of owner's equity

Owner's investment capital

Owner's investment capital is recognized according to the amount actually invested by the shareholders.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

14. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriation of funds in accordance with the resolution of the General Meeting of Shareholders of the Company and current laws.

15. Recognition of Revenue

Revenue from sales of goods

Revenue of goods sold is recognized when all the following conditions are met:

- Most of the risks and rewards associated with ownership of the product or its goods have been transferred to the buyer.
- The Company no longer holds control over the goods such as the ownership of the goods have been transferred to buyers.
- The revenue can be measured reliably. When the contract provides that the buyer is entitled to return products or goods purchased under specific conditions, the revenue is recognized only when those specific conditions cease to be available and the buyer is not entitled to return products or goods (unless customers have the right to return goods in exchange for other goods or services).
- The Company has received or will receive economic benefits from the sale.
- The costs related to the sale transaction is determined.

Revenue from service providers

Revenue from a service transaction is recognized when the outcome of the transaction can be measured reliably. Where services are performed over several periods, the revenue recognized in the period is based on the results of the work completed at the balance sheet date. The outcome of a service provision transaction is determined when all of the following conditions are satisfied:

- The revenue can be measured reliably. Where the contract stipulates that the buyer is entitled to return the purchased service under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the service rendered.
- It is probable that economic benefits will flow from the transaction providing such services.
- Identify the work completed at the end of the financial year.
- Determine the costs incurred for the transaction and the cost to complete the transaction providing that service.

Rental income from operating leases

Rental income from operating leases is recognized using the straight-line method over the lease term. Lease payments received in advance for multiple periods are allocated to revenue in accordance with the lease term

Where the rental period is 90% of the useful life of the assets, enterprises may choose method of recording turnovers once for the entire rental amount received in advance if the following conditions are met simultaneously:

- The lessee is not entitled to cancel the lease contract and the lessor has no obligation to repay the amount received in advance in all cases and in all forms;
- The amount received in advance from the lease is not less than 90% of the total lease amount expected to get under the contract during the lease term and the lessee must pay the entire amount of lease within 12 months from the beginning of the lease;
- Almost all the risks and benefits associated with ownership of the leased asset are transferred to the lessee;
- The lessor must estimate relatively the full cost of the lease

Interest

Interest is recognized on an accrual basis, determined on the balance of deposit accounts and the actual interest rate for each period.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

16. Recognition of Cost of goods sold

Cost of goods sold in the year was recorded in accordance with the revenue generated in the period and ensured compliance with the prudent principle.

For the cost of direct materials consumed in excess of the normal rate, labor costs, and fixed production overheads that are not allocated to the value of warehoused products, the accountant must immediately calculate them into the cost of goods sold (after deducting compensation, if any) even if the product or goods have not been identified as being sold.

Provision for devaluation of inventories is charged to cost of goods sold on the basis of inventories and the difference between the net realizable value and the cost of inventories. When determining the volume of inventory that is subject to a decline in value for which a provision is made, the accountant must exclude the volume of inventory that has been signed for sale (with a net realizable value not lower than the value of the contract). book) but has not yet been delivered to the customer if there is solid evidence that the customer will not abandon the performance of the contract.

17. Recognition of financial cost

Financial costs include loan interest and other costs directly related to loans.

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. Where borrowing costs are directly related to the investment in construction or production of unfinished assets that require a sufficiently long period (more than 12 months) before they can be put into use for the intended purpose or sold. This borrowing cost is capitalized. For separate loans for the construction of fixed assets, investment real estate, interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Gains arising from the temporary investment of loans are written off at the cost of the related assets.

For general loans which are used for investment in construction or production of unfinished assets, the capitalized borrowing cost is determined according to the capitalization rate to the weighted average accumulated cost rights arising for the investment in the capital construction or production of such assets. The capitalization rate is calculated using the weighted average interest rate of outstanding loans for the year, excluding separate loans for the purpose of forming a specific asset.

18. Recognition of management expenses

Management expenses reflect general management expenses of the enterprise, including expenses for salaries of employees of the enterprise management sections (salaries, wages, allowances ...); social insurance, health insurance, trade union funds, unemployment insurance of enterprise managers; expenses for office materials, labor tools, depreciation of fixed assets used for enterprise management; land rent, excise tax; provision for bad debts; Outbound services (electricity, water, telephone, fax, property insurance, fire and explosion); Other monetary expenses (guest reception, customer conference ...).

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

19. Recognition of current corporate income tax

Current corporate income tax

The current CIT expense is determined on the basis of taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to adjustments of temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses as well as adjustments of non-taxable income and transferred losses.

Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company enjoys tax incentives with the following specific contents:

+ Ngoi Hut 2A Hydropower Project, Pa Hu Hydropower Project, Bau Ngu Lake Solar Power Project, Nui 1 Lake Solar Power Project are new investment projects that are subject to a preferential tax rate of 10% for 15 years. 100% corporate income tax exemption for the first 4 years of taxable income, 50% reduction for the next 9 years.

+ Ngoi Hut 2 Hydropower Project is an expansion investment project, accordingly, the project applies a common tax rate, 100% corporate income tax exemption for the first 4 years, 50% reduction for the next 9 years.

+ Other activities are subject to a tax rate of 20%.

20. Financial instruments

i. Financial assets

Types of financial assets

The Company classifies financial assets into the following groups: financial assets recognized at fair values on income statement, held-to-maturity investments, loans and receivables, financial assets available for sale. The classification of these financial assets depends on the nature and purpose of the financial assets and is determined at the time of initial recognition.

Financial assets are recognized at fair value through the statement of income

Financial assets that are classified as being recognized at fair value on the income statement if held for trading or classified at fair value on the income statement at the time of initial recognition.

Financial assets are classified into securities held for trading if:

- Purchased or created primarily for the purpose of short-term resale;
- The company intends to hold for short-term profit;
- Derivative financial instruments (except for derivative financial instruments that are identified as a contract of financial guarantee or an effective hedging instrument).

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that the Company has the intention and ability to hold until the maturity date.

Loans and receivables

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and not listed on the market.

Financial assets available for sale

Available-for-sale financial assets are non-derivative financial assets identified as available for sale or that are not classified as fair value financial assets on the income statement, held-to-maturity investments or loans and receivables.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Initial book value of a financial asset

Financial assets are recognized at the acquisition date and derecognised at the selling date. At the time of initial recognition, a financial asset is determined at the cost of purchase/issue cost plus other costs directly attributable to the acquisition and issue of such financial asset.

ii. Financial liabilities

Financial instruments that are classified as financial liabilities or equity instruments at the time of initial recognition in consistent with the nature and definition of the financial liabilities and equity instruments.

Financial liabilities

The Company classifies financial liabilities into the following groups: financial liabilities that are recognized at fair value on the income statement, financial liabilities determined by allocated value. The classification of financial liabilities depends on the nature and purpose of the financial liabilities and is determined at the date of initial recognition.

Financial liabilities that are recognized at fair value on the income statement

Financial liabilities are classified as being recognized at fair value on the income statement if held for trading or classified at fair value on the statement at the time of initial recognition.

Financial liabilities are classified as securities held for trading if:

- Purchased or created primarily for the purpose of reselling for a short period of time;
- The company intends to hold for short-term profit purposes;
- A derivative (except derivative that is a financial guarantee contract or effective hedging instrument).

Financial liabilities are determined at allocated value

Financial liabilities are determined at allocated value at the original recognition value of financial liabilities minus principal repayments, plus or minus accumulated allocation under the method the real interest rate of the difference between the initial recognition value and the maturity value, minus any deductions (either directly or through the use of a contingency account) due to impairment or failed recovery.

The net interest method is the method of calculating the allocated value of one or a group of financial liabilities and distributing the interest income or interest expense in the relevant year. Net rate is the rate at which cash flows are estimated to be paid or received in the future over the intended life of the financial instrument or, if necessary, to return to the present bookkeeping amount of financial liabilities.

Initial bookkeeping amount of financial liabilities

At the time of initial recognition, financial liabilities are determined at the issue price plus the expenses directly attributable to the issue of those financial liabilities.

Equity tools

An equity tool is a contract that proves the remaining benefits in the Company's assets after subtracting all obligations.

iii. Equity Instruments

An equity instrument is a contract that demonstrates a residual interest in the Company's assets after deducting all obligations.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

21. Report of units

A business unit is a Combinedly identifiable part involved in the production or supply of products or services and has risks and economic benefits different from those of other business divisions.

A geographic part is a Combinedly identifiable part that is involved in the production or supply of products or services within a specific economic environment and has economic risks and benefits different from the business divisions in other economic environments.

22. Related parties

Parties are considered a related party of the Company if one party has the ability to control the other party or otherwise significantly influence the other party in making financial decisions and operate, or when the Company and the other party jointly or severally control.

In considering related parties relationship, the nature of relationship is focused more than the legal form.

Transactions with related parties during the year are presented in Note VII.1

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	1,171,154,088	1,078,986,887
Cash in bank (demand deposit)	26,566,160,421	2,828,270,804
Total	27,737,314,509	3,907,257,691

2. Short-term receivable from customers

	Ending balance	Beginning balance
Northern Power Corporation	33,017,304,923	29,800,153,781
Electricity Trading Company - Vietnam Electricity Group	77,110,152,593	57,228,725,563
Total	110,127,457,516	87,028,879,344

3. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
<i>Prepayment to other sellers</i>	<i>10,370,919,586</i>	<i>8,360,501,880</i>
GE Power Conversion India Private Limited	-	2,358,839,880
North Asia- Hanoi Construction Investment Consulting Joint Stock Company	2,000,000,000	2,000,000,000
Institute of Energy	750,000,000	2,543,880,000
Thuan Tien Construction Fire Prevention Company Limited	2,301,674,400	-
Song Ma Trading and Consulting Technology Company Limited	1,050,711,000	-
Astech Trading and Automatic Technique Company Limited	2,051,840,000	-
Other suppliers	2,216,694,186	1,457,782,000
Total	10,370,919,586	8,360,501,880

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

4. Other Short- term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Contingency cost	Cost	Contingency cost
<i>Receivables from related parties</i>	120,142,500,000	-	92,117,500,000	-
Mrs. Nguyen Thi Ngoc (*)	96,642,500,000	-	64,617,500,000	-
Truong Thanh Construction Company Limited	23,500,000,000		27,500,000,000	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	3,978,283,214	-	4,828,283,214	-
Advance payment	-	-	850,000,000	-
Undeclared input VAT	3,978,283,214	-	3,978,283,214	-
Total	124,120,783,214	-	96,945,783,214	-

(*) This is a temporary payment for Mr. Tran Huy Duc's loan according to Minutes No. 10.05/2023/BB-HĐQT dated May 10, 2023.

5. Prepaid expenses

a) Short-term

	Ending balance	Beginning balance
Insurance fees	430,484,914	256,437,277
Other short-term prepaid expenses	-	49,272,724
Total	430,484,914	305,710,001

b) Long-term

	Ending balance	Beginning balance
Tools and equipments	84,082,520	76,650,645
Total	84,082,520	76,650,645

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

6. Tangible fixed assets

Original price	House, building materials	Machinery and equipment	Means of transportation	Equipment, management tools	Other fixed assets	Total
Beginning balance	2,831,849,918,636	2,042,328,134,330	25,886,557,135	469,079,450	155,144,020,827	5,055,677,710,378
Increase during the year	-	-	2,162,549,091	-	-	2,162,549,091
Ending balance	2,831,849,918,636	2,042,328,134,330	28,049,106,226	469,079,450	155,144,020,827	5,057,840,259,469

Including:

Fully depreciated but still in use

Depreciation value

Beginning balance	513,340,598,100	448,501,927,001	16,247,680,576	449,744,450	42,737,458,312	1,021,277,408,439
Depreciation during the year	92,893,584,860	105,390,921,837	2,403,494,579	19,335,000	16,220,397,777	216,927,734,053
Ending balance	606,234,182,960	553,892,848,838	18,651,175,155	469,079,450	58,957,856,089	1,238,205,142,492

Net book value

Beginning balance	2,318,509,320,536	1,593,826,207,329	9,638,876,559	19,335,000	112,406,562,515	4,034,400,301,939
Ending balance	2,225,615,735,676	1,488,435,285,492	9,397,931,071	-	96,186,164,738	3,819,635,116,977

Tangible fixed assets with original cost of VND 5,029,322,073,793 and residual value of VND 3,810,237,185,906 are mortgaged to secure a loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch; Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch; Vietnam Development Bank - Yen Bai Development Bank Branch; Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Yen Bai Branch.

7. Intangible fixed assets

Land use rights belong to map sheet No. 105/2009/BĐĐC at the address of Nam Cuom village, Nam Bung commune, Van Chan district, Yen Bai province according to the Land Use Rights Certificate issued on May 18, 2009. This land use rights value is being used as collateral for a loan at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Yen Bai Branch.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

8. Cost of construction in progress

	Ending balance	Beginning balance
Construction in progress	55,118,977,597	46,066,687,597
Wind Power Project In Ninh Thuan	1,520,909,091	1,520,909,091
Nam Bung Hydropower Project	374,074,074	374,074,074
Nam Cang 1A Hydropower Project	687,336,442	687,336,442
Phuoc Hoa Pumped Storage Hydropower Project	48,511,183,794	42,802,663,794
Southern Dinh River Ecological Service Urban Area Project	681,704,196	681,704,196
Automatic fire alarm system for factories of Ninh Thuan branch	3,343,770,000	-
Total	55,118,977,597	46,066,687,597

9. Investment in joint ventures

Is an Investment in Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company according to Business Registration Certificate 4100440107, changed for the 7th time on April 16, 2020.

	Ending balance		Beginning balance	
	Historical cost	Contingency cost	Historical cost	Contingency cost
Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company (*)	115,500,000,000	(13,751,227,391)	115,500,000,000	(17,203,100,930)
Total	115,500,000,000	(13,751,227,391)	115,500,000,000	(17,203,100,930)

(*)According to the Decision of the General Meeting of Shareholders No. 04/QD-HDCD dated April 7, 2020, the charter capital of Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company decreased from VND 400 billion to VND 330 billion. Truong Thanh Investment, Construction and Development Joint Stock Company holds 11,550,000 shares, equivalent to VND 115,500,000,000, accounting for 35% of the charter capital at Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company.

10. Investment held until maturity date

	Ending balance		Beginning balance	
	Historical cost	Book value	Historical cost	Book value
Bonds	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Total	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000

11. Short-term payable to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
Payable to other suppliers	3,372,041,471	5,826,473,835
Institute of Energy Technology	-	2,160,000,000
Northern High Voltage Grid Company	1,264,224,798	1,264,224,798
Ocean Industrial Joint Stock Company	1,012,768,574	1,012,768,574
Other suppliers	1,095,048,099	1,389,480,463
Total	3,372,041,471	5,826,473,835

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

12. Taxes and other payables to the State

	Beginning balance		During the year		Ending balance	
	Payable	Receivables	Amount payable	Amount paid	Payable	Receivables
VAT on local sales	8,688,714,809	-	54,580,579,383	(60,394,177,838)	2,875,116,354	-
Corporate income tax	11,651,735,731	-	17,307,058,174	(16,674,576,890)	12,284,217,015	-
Personal income tax	1,771,836,992	-	2,514,466,867	(4,100,041,030)	186,262,829	-
Resource tax	1,000,237,124	-	29,122,316,934	(28,895,533,140)	1,227,020,918	-
Fees, charges and other payables	4,290,340,141	-	12,154,302,747	(14,015,145,988)	2,429,496,900	-
Total	27,402,864,797	-	115,678,724,105	(124,079,474,886)	19,002,114,016	-

Tax finalization of the Company will be subject to inspection by tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to different types of transactions can be interpreted in different ways, the tax amounts presented in the Financial Statements are subject to change at the discretion of the agency tax office.

Value added tax (VAT)

The company pays value added tax by credit method with tax rates of 8%; 10%.

Import and export tax

The Company shall declare and pay according to the Customs notice.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

Corporate income tax

Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company enjoys tax incentives with the following specific contents:

+ Ngòi Hut 2A Hydropower Project, Pa Hu Hydropower Project, Bau Ngu Lake Solar Power Project, Núi 1 Lake Solar Power Project are new investment projects that are subject to a preferential tax rate of 10% for 15 years. 100% corporate income tax exemption for the first 4 years of taxable income, 50% reduction for the next 9 years.

+ Ngòi Hut 2 Hydropower Project is an expansion investment project, accordingly, the project applies a common tax rate, 100% corporate income tax exemption for the first 4 years, 50% reduction for the next 9 years.

+ Other activities are subject to a tax rate of 20%.

Other taxes

The company has declared and paid these taxes in line with the prevailing regulations.

13. Short-term payable expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Interest payable	1,488,078,748	7,173,747,938
LC renewal cost	-	3,562,842,884
Construction costs	-	125,292,000
Total	1,488,078,748	10,861,882,822

14. Other payables

a) Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payable to related parties</i>	-	336,000,000
Remuneration of Board of Directors and Supervisory Board in 2023	-	336,000,000
Payable to other organizations and individuals	34,560,407,272	38,971,434,610
Union dues	-	73,360,120
Social insurance	-	217,676,657
Medical insurance	-	38,194,219
Unemployment insurance	-	17,069,719
Profit sharing Business cooperation	34,560,407,272	38,625,133,895
Total	34,560,407,272	39,307,434,610

b) Other long-term payables

Is payable for Business Cooperation of Ngòi Hut 2 Hydropower Project; Ngòi Hut 2A Hydropower Project; Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project.

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payable to related parties</i>	4,500,000,000	4,500,000,000
Mr Nguyen Duy Vien (1)	4,500,000,000	4,500,000,000
Payable to Business Cooperation	120,807,948,000	120,807,948,000
Mr Cao Đăng Kieu (2)	97,141,760,000	97,141,760,000
Mr Trau Kien Hoa (3)	5,555,388,000	5,555,388,000
Mr Daniel Trieu (4)	11,110,800,000	11,110,800,000
Mr To Thanh Ha (5)	4,000,000,000	4,000,000,000
Mr Pham Manh Thang (6)	3,000,000,000	3,000,000,000
Total	125,307,948,000	125,307,948,000

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

(1) Is the amount payable to Mr. Nguyen Duy Vien under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 05/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Nguyen Duy Vien contributed VND 4,500,000,000 to the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Nguyen Duy Vien will receive 5.35% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(2) Is the amount payable to Mr. Cao Dang Kieu under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 07/2020/TTA-HTĐTNH2 dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Cao Dang Kieu contributed VND 77,386,200,000 to the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. Cao Dang Kieu will receive 20.44% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project

+ Investment Cooperation Contract No. 06/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Cao Dang Kieu contributed VND 19,755,560,000 to the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Cao Dang Kieu will receive 23.49% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(3) Is the amount payable to Mr. Trau Kien Hoa under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 01/2020/TTA-HTĐTNH2 dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Trau Kien Hoa contributed VND 4,890,800,000 to the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. Trau Kien Hoa will receive 1.28% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project

+ Investment Cooperation Contract No. 02/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Trau Kien Hoa contributed VND 664,588,000 to the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Trau Kien Hoa will receive 0.79% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(4) Is the amount payable to Mr. Daniel Trieu under the Investment Cooperation Contract. Specifically

+ Investment Cooperation Contract No. 04/2020/TTA-HTĐTNH2 dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Daniel Trieu contributed VND 9,781,600,000 to the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. Daniel Trieu will receive 2.59% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project

+ Investment Cooperation Contract No. 03/2020/TTA-HTĐTNH2A dated March 4, 2020. Accordingly, Mr. Daniel Trieu contributed VND 1,329,200,000 to the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project. Mr. Daniel Trieu will receive 1.58% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2A Hydropower Plant Project.

(5) Is the amount payable to Mr. To Thanh Ha under the Investment Cooperation Contract. Specifically Investment Cooperation Contract No. 08/2020/TTA-HTĐTNH2 dated April 2, 2020. Accordingly, Mr. To Thanh Ha contributes VND 4,000,000,000 to the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project. Mr. To Thanh Ha will receive 0.91% of the after-tax profit of the Ngòi Hut 2 Hydropower Plant Project

(6) Is the amount payable to Mr. Pham Manh Thang under the Investment Cooperation Contract. Specifically, Investment Cooperation Contract No. 2007/2020/TTA-HTĐTBN dated July 20, 2020. Accordingly, Mr. Pham Manh Thang contributes VND 3,000,000,000 to the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project. Mr. Pham Manh Thang will receive 0.51% of the after-tax profit of the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

15. Financial loans and borrowings

a) Short-term financial loans and borrowings

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Amount able to pay	Value	Amount able to pay
<i>Short-term borrowings and financial leases payable to Board members</i>	-	-	15,000,000,000	15,000,000,000
Short-term borrowings and financial leases payable to Board members	-	-	15,000,000,000	15,000,000,000
<i>Short-term borrowings and financial leases payable to other organizations</i>	15,092,974,664	15,092,974,664	30,918,360,620	30,918,360,620
Short-term bank loans	15,092,974,664	15,092,974,664	30,918,360,620	30,918,360,620
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch (1)	15,092,974,664	15,092,974,664	30,918,360,620	30,918,360,620
Long-term loan due to pay	258,640,000,000	258,640,000,000	256,390,000,000	256,390,000,000
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	23,640,000,000	23,640,000,000	26,390,000,000	26,390,000,000
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	52,000,000,000	52,000,000,000	47,000,000,000	47,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	100,000,000,000	100,000,000,000	95,000,000,000	95,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	53,000,000,000	53,000,000,000	58,000,000,000	58,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000
Cộng	273,732,974,664	273,732,974,664	302,308,360,620	302,308,360,620

(1) This is a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch under credit limit contract No. 01/2024/2548422/HDTD dated September 5, 2024, limit of VND 31,000,000,000 including all outstanding short-term loans, opening a transitional L/C from credit limit contract No. 01/2023/2548422/HDTD dated July 5, 2023. The purpose is to supplement working capital, guarantee and open L/C, the limit period is 12 months from the date of signing the contract.

Secured assets are:

+ Hydropower plant and OPY station under asset mortgage contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated October 11, 2023. The value of the asset is VND 11,146,000,000.

+ Land use rights and assets attached to land of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project according to Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated November 30, 2023. The value of the asset is VND 33,140,000,000.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

Details of short-term loans are as follows:

	Beginning balance	Loan incurred during the year	Consolidation from loan and long-term debt	Loan paid during the year	Ending balance
<i>Short-term borrowings and financial leases payable to Board members</i>	15,000,000,000	-	-	(15,000,000,000)	-
Short-term borrowings and financial leases payable to Board members	15,000,000,000	-	-	(15,000,000,000)	-
<i>Short-term borrowings and financial leases payable to other organizations</i>	30,918,360,620	51,704,068,712	-	(67,529,454,668)	15,092,974,664
Short-term bank loans	30,918,360,620	51,704,068,712	-	(67,529,454,668)	15,092,974,664
<i>Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch (1)</i>	30,918,360,620	51,704,068,712	-	(67,529,454,668)	15,092,974,664
Long-term loan due to pay	256,390,000,000	-	258,790,455,950	(256,540,455,950)	258,640,000,000
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	26,390,000,000	-	23,639,999,998	(26,389,999,998)	23,640,000,000
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	47,000,000,000	-	52,000,000,000	(47,000,000,000)	52,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	95,000,000,000	-	100,000,000,000	(95,000,000,000)	100,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	58,000,000,000	-	53,250,000,000	(58,250,000,000)	53,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	30,000,000,000	-	29,900,455,952	(29,900,455,952)	30,000,000,000
Total	302,308,360,620	51,704,068,712	258,790,455,950	(339,069,910,618)	273,732,974,664

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

b) Long-term

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Amount able to pay	Value	Amount able to pay
<i>Long-term borrowings and financial leases payable to Board members</i>	139,250,977,715	139,250,977,715	139,250,977,715	139,250,977,715
Short-term borrowings and financial leases payable to Board members	139,250,977,715	139,250,977,715	139,250,977,715	139,250,977,715
<i>Long-term bank loans</i>	1,460,166,508,809	1,460,166,508,809	1,718,956,964,759	1,718,956,964,759
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	47,536,951,023	47,536,951,023	71,176,951,021	71,176,951,021
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	425,600,000,000	425,600,000,000	477,600,000,000	477,600,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	412,999,986,619	412,999,986,619	512,999,986,619	512,999,986,619
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	456,526,571,167	456,526,571,167	509,776,571,167	509,776,571,167
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	117,503,000,000	117,503,000,000	147,403,455,952	147,403,455,952
Total	1,599,417,486,524	1,599,417,486,524	1,858,207,942,474	1,858,207,942,474

(2) This is a syndicated loan between the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch under credit contract No. 99-2015/HDTD/SL-LA/NH2A dated June 15, 2015, the loan limit is 134,000,000,000 VND, the purpose of investing in the Ngoi Hut 2A hydropower project, the loan term is 144 months from the first disbursement date, the collateral is the right to the capital contribution of the company's shareholders based on mortgage contract No. 01-2015 dated June 20, 2015, the estimated value of this collateral is 409,735,000,000 VND, the additional mortgage contract for assets formed from loan capital No. 02-2016/HDSDBS dated September 1, 2016, the estimated value of the assets formed is VND 256,165,000,000. The amended and supplemented contract No. 01-2016HĐTD/SL-LA/NH2A dated September 1, 2016, changed the loan limit to VND 179,000,000,000 and the Debt Repayment Plan appendix, accordingly, the loan is fully paid on September 30, 2027.

(3) This is a syndicated loan between the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch under credit contract No. 02-2017/HDTD/SL-LA dated October 10, 2017, loan limit of VND 607,000,000,000, for investment in Pa Hu hydropower project, loan term is 14 years from the first disbursement date, collateral is the entire value of the project.

(4) This is a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch under credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 for the purpose of investing in the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project invested by the borrower, the total approved investment capital is VND 1,426,050,000,000, the maximum principal amount is

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

VND 914,000,000,000 but does not exceed 70% of the total project investment, the loan term is 132 months from the first disbursement date, the collateral is:

- + Land use rights of 8 plots of land with an area of 736,695.5m² in Phuoc Hai commune, Ninh Phuoc district; Phuoc Dinh commune, Thuan Nam district; Phuoc Nam Commune, Thuan Nam District, Ninh Thuan Province according to the Certificate of Land Use Rights, House Ownership Rights and Other Properties Attached to Land No. DA 846941 issued by the Department of Natural Resources and Environment of Ninh Thuan Province on September 13, 2021 and the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project attached to the land according to the real estate mortgage contract No. 021/2021/2548422 dated December 30, 2021. The value of the collateral is VND 145,703,000,000.

- + Machinery and equipment of the Bau Ngu Lake Solar Power Plant Project according to the Additional Contract of Mortgaged Property No. 01/2021/2548422/HDSDBS. The value of the collateral is VND 1,126,427,000,000.

- + Hydropower plant and OPY station according to Asset Mortgage Contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated October 11, 2023. The value of the collateral for the Contract is VND 28,944,000,000.

- + Land use rights and assets attached to land of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project according to Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated November 30, 2023. The value of the Asset is VND 86,056,000,000.

(5 This is a loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam under credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 for the purpose of investing in Ho Nui Mot 1 Solar Power Farm, invested by the borrower. The total approved investment capital is VND 1,036,000,000,000, the maximum total principal is VND 648,000,000,000 but does not exceed 69% of the total project investment, the loan term is 156 months from the first disbursement date. The collateral is:

- + Land use rights of 02 plots of land with a total area of 488,562.5m² in Phuoc Dinh commune, Thuan Nam district, Ninh Thuan province according to the Certificate of land use rights, house ownership rights and other assets attached to the land No. DH 913386, the number of the certificate issued by the Department of Natural Resources and Environment of Ninh Thuan province on May 19, 2023 and the Nui 1 Lake Solar Power Plant Project attached to the land. The value of the collateral is VND 294,444,000,000 according to the Real Estate Mortgage Contract of Nui 1 Lake Solar Power Farm Project No. 02/2020/254422/HBTC dated October 21, 2020 and the Amended and Supplemented Document No. 01/2023/254422/HDSDBS.

- + Hydropower plant and OPY station according to Property Mortgage Contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated October 11, 2023. The value of the property securing the contract is VND 50,337,000,000.

- + Land use rights and property attached to land of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project according to Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated November 30, 2023. The value of the property is VND 149,663,000,000.

(6) This is a loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Yen Bai Branch under credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 for the purpose of lending equity capital to form the asset of Ngoi Hut 2 Hydropower Plant invested by the borrower, the total approved investment capital is VND 200,503,000,000, the loan term is 96 months from the first disbursement date. The collateral is:

- + Hydropower plant and OPY station under the Asset Mortgage Contract No. 01/2023/2548422/HDBD dated October 11, 2023. The value of the collateral for the Contract is VND 85,514,840,000.

- + Land use rights and assets attached to land of the Ngoi Hut 2 Hydropower Plant Project according to Real Estate Mortgage Contract No. 02/2023/2548422/HDBD dated November 30, 2023. The value of the Asset is VND 254,257,520,000,000.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

Details of long-term loans are as follows:

	Beginning balance	Loan amount incurred during the year	Loan amount paid during the year	Switching to short-term loans and debt	Ending balance
<i>Long-term borrowings and financial leases payable to Board members</i>	139,250,977,715	-	-	-	139,250,977,715
Short-term borrowings and financial leases payable to Board members	139,250,977,715	-	-	-	139,250,977,715
<i>Long-term bank loans</i>	1,718,956,964,759	-	-	(258,790,455,950)	1,460,166,508,809
Syndicated loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch - Ngoi Hut 2A Project (2)	71,176,951,021	-	-	(23,639,999,998)	47,536,951,023
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Son La Branch and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Lang Son Branch (3)	477,600,000,000	-	-	(52,000,000,000)	425,600,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Yen Bai Branch - credit contract No. 01/2018/2548422/HDTD dated August 6, 2018 (4)	512,999,986,619	-	-	(100,000,000,000)	412,999,986,619
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2020/2548422/HDTD dated June 17, 2020 (5)	509,776,571,167	-	-	(53,250,000,000)	456,526,571,167
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - credit contract No. 01/2021/2548422/HDTD dated November 2, 2021 (6)	147,403,455,952	-	-	(29,900,455,952)	117,503,000,000
Cộng	1,858,207,942,474	-	-	(258,790,455,950)	1,599,417,486,524

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements**16. Bonus and welfare funds**

	Beginning balance	Increase due to provision from profit	Fund disbursement during the year	Ending balance
Bonus funds	6,924,306,076	-	(5,190,000,000)	1,734,306,076
Welfare funds	11,506,014,276	-	(3,687,000,000)	7,819,014,276
Management and Executive Board Bonus Fund	2,000,000,000	-	(2,000,000,000)	-
Total	20,430,320,352	-	(10,877,000,000)	9,553,320,352

17. Owner's equity**a. Statement of fluctuations in owner's equity**

	Owner's investment capital	Retained profit after tax	Total
Beginning balance of the previous year	1,574,629,370,000	340,766,201,532	1,915,395,571,532
Capital increased (*)	125,946,560,000	(125,946,560,000)	-
Profit during the previous year	-	101,460,434,802	101,460,434,802
Provision for bonus and welfare fund (*)	-	(9,798,305,022)	(9,798,305,022)
Provision for Management and Executive Board Bonus Fund (*)	-	(1,000,000,000)	(1,000,000,000)
Profit sharing Business cooperation	-	(24,467,638,866)	(24,467,638,866)
Ending balance of the previous year	1,700,575,930,000	281,014,132,446	1,981,590,062,446
Beginning balance of the current year	1,574,629,370,000	281,014,132,446	1,981,590,062,446
Profit during the current year	-	231,545,747,912	231,545,747,912
Profit sharing Business cooperation	-	(34,560,407,272)	(34,560,407,272)
Ending balance	1,700,575,930,000	477,999,473,086	2,178,575,403,086

(*)Pursuant to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 26.04/2023/TTA/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2023, Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company shall distribute profits and set up funds in 2022 as follows:

+ Bonus fund 3% of profit after tax in 2022 equivalent to VND 4,899,152,511.

+ Welfare fund 3% of profit after tax in 2022 equivalent to VND 4,899,152,511.

+ Bonus fund for the Executive Board of VND 1,000,000,000.

+ Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company shall issue shares to pay dividends in 2022 at a rate of 8%.

The company shall issue 12,594,656 shares. The purpose of issuance is to pay dividends in 2022 in shares and increase charter capital. On June 20, 2023, the Company received an approval letter from the State Securities Commission on the issuance of shares to increase charter capital, accordingly, the number of shares distributed: 12,594,656 shares; Par value of shares: VND 10,000/share. By July 20, 2023, the Company had completed the above capital increase procedures.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

b, Details of the owner's equity at December 31, 2024:

	<u>Ending balance</u>	<u>Rate</u>	<u>Beginning balance</u>	<u>Rate</u>
Mr. Tran Huy Duc	395,549,560,000	23,26%	395,549,560,000	23,26%
Mr. Tran Huy Thieu	85,800,650,000	5,05%	110,854,650,000	6,52%
Truong Thanh Construction Company Limited	401,848,120,000	23,63%	401,848,120,000	23,63%
Mrs. Nguyen Thi Ngoc	197,774,780,000	11,63%	197,774,780,000	11,63%
Other shareholders	619,602,820,000	36,43%	594,548,820,000	34,96%
Total	1,700,575,930,000	100,00%	1,700,575,930,000	100,00%

c) Cổ phiếu

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered to issue	170,057,593	170,057,593
Number of shares issued/ sold to the public	170,057,593	170,057,593
- Common shares	170,057,593	170,057,593
- Preferred shares	-	-
Number of shares bought back	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of shares outstanding	170,057,593	170,057,593
- Common shares	170,057,593	170,057,593
- Preferred shares	-	-

Par value of outstanding shares: 10,000 VND.

18. Off-balance sheet

a) Foreign currencies

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Foreign currencies		
US Dollar (USD)	40.61	67.01

b) Bad debt resolved

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Bad debt resolved	2,019,870,488	2,019,870,488

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED INCOME STATEMENT

1. Revenue

Sales of goods and services

	Current Year	Previous Year
Electricity sales revenue	676,995,653,946	622,699,510,506
Tax and fee revenue related to electricity sales activities	43,364,604,150	32,779,722,122
Rental income	13,750,000,000	-
Total	734,110,258,096	655,479,232,628

2. Cost of goods sold

	Current Year	Previous Year
Cost of electricity	255,566,642,216	254,864,650,913
Cost of taxes and fees related to electricity sales	43,364,604,150	32,779,722,122
Cost of rental assets	11,670,931,146	-
Total	310,602,177,512	287,644,373,035

3. Financial Income

	Current Year	Previous Year
Interest on deposits	104,792,159	172,486,239
Other Financial Income	154,803,897	-
Total	259,596,056	172,486,239

4. Financial expenses

	Current Year	Previous Year
Interest expenses	146,104,599,230	211,481,339,563
Exchange rate difference loss incurred	-	3,733,577,792
Provision for devaluation of investments	(3,451,873,539)	7,870,607,810
Total	142,652,725,691	223,085,525,165

5. General administration expenses

	Current Year	Previous Year
Expenses of administrative staffs	10,928,465,762	8,064,506,939
Depreciation expenses of fixed assets	1,384,365,300	1,389,986,217
Tax, duties, fees	4,000,000	4,000,000
Cost of hired services	2,049,678,277	1,591,379,022
Other costs	11,380,206,769	8,975,741,437
Total	25,746,716,108	20,025,613,615

6. Other income

	Current Year	Previous Year
Import tax refund	-	659,614,857
Other income	30,261,605	762,954
Total	30,261,605	660,377,811

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

7. Other expenses

	Current Year	Previous Year
Administrative fines	2,380,482,362	10,619,506,854
Donations	2,946,772,998	415,000,000
Depreciation expenses are not deductible.	1,218,435,000	1,218,435,000
Other expenses	-	191,472,476
Total	6,545,690,360	12,444,414,330

8. Current corporate income tax

Corporate income tax payable during the year is estimated as follows:

	Current Year	Previous Year
Total accounting profit before tax	248,852,806,086	113,112,170,533
Adjustments to increase or decrease accounting profit to determine profit subject to corporate income tax:		
Incremental adjustments	14,606,894,217	83,703,612,277
Administrative fines	26,239,455,927	83,703,612,277
Depreciation expenses are not deductible.	2,380,482,362	10,619,506,854
Non-deductible interest expenses	1,218,435,000	1,218,435,000
Other expenses	19,693,765,567	71,259,197,947
Reduction adjustments	2,946,772,998	606,472,476
Interest is deducted and carried forward.	(11,632,561,710)	-
	(11,632,561,710)	-
Income taxes	263,459,700,303	196,815,782,810
Taxable Income of Activities subject to tax rate of 10%	134,430,427,897	116,166,301,546
Taxable Income of Activities subject to tax rate of 20%	129,029,272,406	80,649,481,264
Tax-free income	-	-
Taxable income	263,459,700,303	196,815,782,810
Corporate income tax payable at the common tax rate	25,805,854,481	16,129,896,253
Corporate income tax difference due to applying tax rates different from the common tax rate	13,443,042,790	11,616,630,155
Corporate income tax exemption and reduction	(21,941,839,097)	(16,094,790,677)
Corporate income tax payable	17,307,058,174	11,651,735,731
Total current corporate income tax expense	17,307,058,174	11,651,735,731

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

9. Basic/diluted earnings per share

	Current Year	Previous Year
Accounting profit after corporate income tax	231,549,747,912	101,460,434,802
Adjustments to increase and decrease accounting profit to determine the profit to be allocated to common stock holders:		
- Profit payment Business cooperation	(34,561,165,227)	(24,467,638,866)
- Deducting bonus and welfare funds (*)	-	-
Basic/diluted earnings per share profit	196,988,582,685	76,992,795,936
Average number of ordinary shares outstanding during the year	170,057,593	170,057,593
Basic/diluted earnings per share	1,158,36	452,75

(*) Provision for bonus and welfare fund in accordance with Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 26.04/2024/TTA/NQ-DHĐCD dated April 26, 2024 is adjusted when determining basic earnings per share in the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ending December 31, 2024.

The average outstanding ordinary shares during the year is calculated as follows:

	Current Year	Previous Year
Common shares outstanding at the beginning of the year	170,057,593	170,057,593
Effect of common stock issued during the year	-	-
The average outstanding ordinary shares during the year	170,057,593	170,057,593

10. Cost by factor

	Current Year	Previous Year
Labor costs	33,643,958,463	27,698,565,647
Fixed asset depreciation expense	216,927,734,053	204,524,380,269
Cost of hired services	29,740,699,343	30,857,373,516
Other costs	57,254,936,761	44,589,667,218
Total	337,567,328,620	307,669,986,650

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

VII. OTHER INFORMATION

1. Related parties

Related parties include: key management members, individuals associated with key management members and other related parties.

A, Transactions and balances with key management members and individuals associated with key management members

Key management members include: Members of the Board of Management/Board of Members and members of the Executive Board (Board of Directors, Chief Financial Officer, Chief Accountant). Individuals associated with key management members are close members of the family of key management members.

The earnings of key management members are as follows:

		<u>Current Year</u>	<u>Previous Year</u>
Board of Directors			
Mrs. Nguyen Thi Ngoc	Chairman	809,286,000	661,868,600
Mrs. Tran Huyen Trang	Member and Deputy	448,433,600	364,946,950
	General Director		
Mr. Nguyen Van Truong	Member Deputy General	492,412,000	562,612,317
	Director		
Mr. Tran Huy Thieu	Member	-	245,595,000
Mr. Vu Xuan Hieu	Member	-	125,925,900
Mr. Nguyen Duy Hung	General Director	511,712,900	601,343,600
Mr. Nguyen Thanh Ha	Deputy General Director	436,504,850	486,414,900

Remuneration of the Board of Directors and Board of Control

	<u>Current Year</u>	<u>Previous Year</u>
Board of Directors		
Mrs. Nguyen Thi Ngoc	60,000,000	54,000,000
Mr. Tran Huy Thieu	36,000,000	32,400,000
Mr. Vu Xuan Hieu	36,000,000	32,400,000
Mrs. Tran Huyen Trang	36,000,000	32,400,000
Mr. Nguyen Van Truong	36,000,000	32,400,000
Mr. Nguyen Duy Hung	-	10,800,000
Mr. Nguyen Duy Vien	-	10,800,000
Mr. Nguyen Thanh Ha	-	10,800,000
Board of Control		
Mrs. Kieu Thi My Hanh	48,000,000	43,200,000
Mrs. Thanh Hong Tham	24,000,000	21,600,000
Mrs. Ha Huyen Trang	24,000,000	21,600,000

Transactions with key management members and individuals related to key management members are as follows:

	<u>Current Year</u>	<u>Previous Year</u>
Must pay board of directors remuneration	300,000,000	336,000,000
Temporary loan repayment - Mrs. Nguyen Thi Ngoc	32,025,000,000	58,650,000,000

At the balance sheet date, the balance owed to the key management members and related individuals is presented in Note V4, V.14, V.15

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**B. Transactions with other related parties**

Other related parties	Relationship
Truong Thanh Construction Company Limited	+ Director of Truong Thanh Construction Company Limited is a member of the Board of Directors of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company + Director of Truong Thanh Construction Company Limited is a major shareholder of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company + Member of the Board of Directors of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company is Chairman of the Board of Directors of Truong Thanh Construction Company Limited + Truong Thanh Construction Company Limited is a major shareholder of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company
Truong Thanh Construction Investment Company Limited	+ Member of the Board of Directors of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company is a capital contributing member of Truong Thanh Construction Investment Company Limited.
Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company	+ Phuong Mai Wind Power Joint Stock Company is an affiliated company of Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company.

The main transactions arising during the year between the Company and other related parties are as follows:

	Current Year	Previous Year
Truong Thanh Construction Company Limited		
Receivables under the construction investment sharing agreement	14,850,000,000	-
Collect money according to the construction investment sharing agreement	14,850,000,000	
Refund of advance payment for Suoi Sap hydropower project (*)	4,000,000,000	13,000,000,000
(*)According to the Board of Directors' resolution No. 23.05/2023/TTA/NQ-HDQT dated May 23, 2023 approving the suspension and cancellation of the transfer of Suoi Sap 2 Hydropower Project in Suoi To commune, Phu Yen district, Son La province from Truong Thanh Construction Company Limited.		
At the balance sheet date, liabilities to related parties are presented in Note V.3.		

2. Division information

Division information is presented by business sector and geographic region. The main divisional reporting is by business area based on the internal organizational and management structure and internal financial reporting system of the Company as the Company's business activities are organized and managed according to the nature of products and services provided by the Company with each division being a business unit offering different products and catering to different markets as the Company's risks and profitability are primarily influenced by product differences, and services provided by the Company.

Geographical area

The company has the following main business areas:

- Yen Bai area
- Ninh Thuan area

Information about the business field

The company has the following business areas:

- Electricity trading
- Other areas: Electricity line sharing service

Information on the results of business, fixed assets and other long-term assets and the value of the major non-monetary expenses of the business division of the Company are as follows:

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

	Yen Bai area	Ninh Thuan area	Exclusions	Total
Current Year				
Net revenue from sales and services to outsiders	386,193,025,394	347,917,232,702	-	734,110,258,096
Net revenue on sales and service provision between departments	-	-	-	-
Total net revenue from sales and services	386,193,025,394	347,917,232,702	-	734,110,258,096
Department cost	166,174,666,043	144,427,511,469	-	310,602,177,512
Business results by department	220,018,359,351	203,489,721,233	-	423,508,080,584
Expenses are not allocated by department				(25,746,716,108)
Profits from business activities				397,761,364,476
Financial income				259,596,056
Financial expenses				(142,652,725,691)
Other income				30,261,605
Other expenses				(6,541,690,360)
Current corporate income tax expense				(17,307,058,174)
Deferred corporate income tax expenses				-
Profit after corporate income tax				231,549,747,912
Total costs incurred to purchase fixed assets and other long-term assets	7,165,061,818	4,139,952,863	-	11,305,014,681
Total depreciation expense and allocation of long-term prepaid expenses	104,137,071,003	112,873,406,765	-	217,010,477,768

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Assets and liabilities of the department based on the Company's business fields are as follows:

	Yen Bai area	Ninh Thuan area	Exclusions	Total
Ending balance				
Assets allocated to department	3,913,969,160,935	1,887,565,735,574	(1,551,013,260,167)	4,250,521,636,342
Assets not allocated by department	-	-	-	-
Total asset	3,913,969,160,935	1,887,565,735,574	(1,551,013,260,167)	4,250,521,636,342
Liabilities allocated to department	2,059,398,147,062	1,563,558,104,316	(1,551,013,260,167)	2,071,942,991,211
Liabilities not allocated by department	-	-	-	-
Total liabilities	2,059,398,147,062	1,563,558,104,316	(1,551,013,260,167)	2,071,942,991,211

Business Field

Details of net revenue from sales and provision of services to outside by business sector are as follows:

	Current Year	Previous Year
Electricity business	720,360,258,096	655,479,232,628
Other	13,750,000,000	-
Total	734,110,258,096	655,479,232,628

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements

3. Financial risk management

The Company's business exposure to the following financial risks: credit risk, liquidity risk and market risk. The Board of Directors is responsible for establishing policies and managements to minimize financial risks as well as oversee the implementation of those policies and managements.

A, Credit risk

Credit risk is the risk that a party to the contract is unable to fulfill its obligations, leading to financial loss to the Company.

The Company has credit risks mainly from accounts receivable from customers and bank deposits.

Receivable from customers

Company minimizes credit risk by only dealing with units with good financial capacity, requesting opening letters of credit or collateral for first-time trading units or units without financial capacity information. In addition, debt accountants regularly monitor receivables to expedite recovery.

Receivable from customers of the Company relates to many entities and individuals, so the concentrated credit risk for commercial receivables is low.

Bank deposits

The Company's term and non-term bank deposits are deposited in domestic banks. The Board of Directors does not foresee any significant credit risks from these deposits.

B, Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulties in fulfilling its financial obligations due to lack of money.

The Board of Directors is most responsible for liquidity risk management. Liquidity's risk of the company mainly arises from the fact that financial assets and financial liabilities have different maturity dates.

The Company manages liquidity risk by maintaining an appropriate amount of cash and cash equivalents and loans at a level deemed by the Board of Directors to meet the Company's operational needs to reduce minimizing the impact of fluctuations in cash flow.

The payment term of financial liabilities based on contractual undiscounted payments is as follows:

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

	From 1 year or less	Over 1 year to 5 years	More than 5 years	Total
Ending balance				
Loans and debt	273,732,974,664	1,202,290,915,357	397,126,571,167	1,873,150,461,188
Payable to the seller	3,372,041,471	-	-	3,372,041,471
Other payables	41,561,106,184	125,307,948,000	-	166,868,296,229
Total	318,666,122,319	1,327,598,863,357	397,126,571,167	2,043,390,798,888
Beginning balance				
Loans and debt	302,308,360,620	1,224,526,966,818	633,680,975,656	2,160,516,303,094
Payable to the seller	5,826,473,835	-	-	5,826,473,835
Other payables	55,462,425,757	125,307,948,000	-	180,770,373,757
Total	363,597,260,212	1,349,834,914,818	633,680,975,656	2,347,113,150,686

The company believes that the concentration of risk on debt service is low. The Company has the ability to pay due debts from cash flow from operating activities and proceeds from maturity financial assets.

4. Fair value of financial assets and liabilities

	Book value		Fair value	
	Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Financial assets				
Cash and cash equivalents	27,737,314,509	3,907,257,691	27,737,314,509	3,907,257,691
Held-to-maturity investments	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Receivable from customers	110,127,457,516	87,028,879,344	110,127,457,516	87,028,879,344
Other Receivables	124,120,783,214	96,945,783,214	124,120,783,214	96,945,783,214
Financial assets available for sale	101,748,772,609	98,296,899,070	101,748,772,609	98,296,899,070
Total	364,734,327,848	287,178,819,319	364,734,327,848	287,178,819,319
Financial liabilities				
Loans and debt	1,873,150,461,188	2,160,516,303,094	1,873,150,461,188	2,160,516,303,094
Payable to the seller	3,372,041,471	5,826,473,835	3,372,041,471	5,826,473,835
Other payables	166,869,054,184	180,770,373,757	166,869,054,184	180,770,373,757
Total	2,043,391,556,843	2,347,113,150,686	2,043,391,556,843	2,347,113,150,686

The fair values of financial assets and financial liabilities are expressed in the amount to which a financial tool can be converted in an existing transaction between parties with sufficient understandings and demands.

The Company uses the following methods and assumptions to estimate fair value:

- Fair values of cash, short-term bank deposits, receivables from customers and payables to sellers, and other short-term liabilities are equal to book value of these items since these items have a short term use.

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

- The fair value of held-to-maturity investments and available-for-sale financial assets listed on the stock market is the published transaction price at the end of the fiscal year/accounting period. For unlisted held-to-maturity investments and available-for-sale financial assets with transaction prices announced by 3 securities companies at the end of the accounting period, the fair value of these investments is the average price based on the transaction prices announced by 3 securities companies.
- The fair value of loans, receivables from customers, other receivables, loans, payables to suppliers and other long-term payables, held-to-maturity investments that are not listed on the stock market and do not have transaction prices announced by 3 securities companies is estimated by discounting cash flows at the interest rate applicable to debts with similar characteristics and remaining maturity.

The Company has not yet conducted an official valuation of unlisted available-for-sale financial assets and there are no published transaction prices of the three securities companies. However, the Board of Directors assesses that the fair value of these financial assets is not materially different from the carrying value.

5. Subsequent events

At the time of preparing this report, Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company is carrying out procedures to transfer rights and obligations regarding assets and liabilities of Mr. Tran Huy Duc to related entities.

In addition to the above event, The Board of Directors of the Company hereby ensures that there have been no events from 31 December 2024 to the date of this report which have not been considered to make adjustments on the figures or the disclosures in the combined financial statements.

6. Other information

"According to Notice No. 3116/TB-TTCT dated December 25, 2023 of the Government Inspectorate on the Conclusion of the inspection of compliance with policies and laws in the management of planning and investment in construction of power projects according to the VII Power Plan and the adjusted VII Power Plan. In Part III, Section C: Proposed handling measures: The Government Inspectorate recommends that the Prime Minister direct relevant ministries and branches to propose economic solutions for 14 solar power projects that have enjoyed incentive price mechanisms that are not in accordance with the content of Resolution No. 115/NQ-CP dated August 31, 2018 of the Government (including Road 473 of the Company's Bau Ngu Lake Solar Power Project). At the date of preparation of this financial report, there has been no final decision from the competent authorities. The Company will adjust the consolidated financial statements (if any) when the amended legal documents come into effect."

TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nam Cuom Village, Nam Bung Commune, Van Chan District, Yen Bai Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

7. Comparative information

Comparative figures are derived from the combined financial statements for the fiscal year 2023 which audited by Nhan Tam Viet Auditing Company Limited.

(*) According to Resolution No. 26.04/2024/TTA/NQ-DHĐCD dated April 26, 2024, Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company will not allocate funds from the undistributed after-tax profit of 2023

Accordingly, the indicator "Basic/diluted earnings per share" is adjusted as follows: (see note VI.9)

	Code	Figures on audited financial statements	Figures after adjustment
The income Statement			
Basic/diluted earnings per share	70,71	419.70	452.75

Prepared by



Tran Thu Tra

Chief Accountant



Nguyen Dung Hoang

Prepared on 28 March 2025
Deputy General Director



Tran Huyen Trang